

ÔN THI CUỐI KỲ 2, MÔN SỬ 2025-26

BÀI 7. KHÁI QUÁT VỀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Lãnh thổ Việt Nam nằm ở khu vực nào sau đây của châu Á?

- A. Đông Nam Á. B. Tây Nam Á. C. Đông Bắc Á. D. Nam Á.

Câu 2. Về vị trí địa chiến lược, Việt Nam nằm trên trục đường giao thông kết nối những lục địa nào sau đây?

- A. Châu Á -châu Âu và châu Phi. B. Ngã tư giữa lục địa Á -Âu và châu Đại Dương.
C. Châu Á -Ấn Độ và châu Phi. D. Trung tâm lục địa Á -Âu và khu vực Mỹ La-tinh.

Câu 3. Về lịch sử, Việt Nam có nhiều hoạt động giao thông, giao thương lâu đời và quan trọng với hai trung tâm văn minh lớn nào sau đây ở châu Á?

- A. Trung Hoa và Ấn Độ. C. Trung Hoa và Mê-hi-cô.
B. Nga và Ấn Độ. D. Mông Cổ và Ai Cập.

Câu 4. Về cương vực, Việt Nam **không** liên kề với quốc gia nào sau đây ở châu Á?

- A. Lào. B. Thái Lan. C. Trung Hoa. D. Ấn Độ.

Câu 5. Việt Nam là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với

- A. Tây Âu. B. Trung Đông. C. Đông Nam Á hải đảo. D. khu vực Mỹ La-tinh.

Câu 6. Thực tiễn lịch sử ghi nhận, sự sinh tồn và phát triển của Việt Nam luôn diễn ra

- A. các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. B. cuộc đấu tranh chống lại sự đói nghèo.
C. các cuộc chiến tranh chống phát xít. D. chiến tranh thương mại với láng giềng.

Câu 7. Trong suốt tiến trình phát triển của lịch sử, lãnh thổ Việt Nam thường xuyên trở thành đối tượng nhòm ngó, can thiệp hoặc xâm lược của các thế lực bên ngoài vì lí do cơ bản nào sau đây?

- A. Không phải là đồng minh của Trung Quốc. B. Có vị trí địa chiến lược quan trọng.
C. Có nền giáo dục lạc hậu so với bên ngoài. D. Sở hữu nguồn tài nguyên quý hiếm.

Câu 8. Trong các thế kỉ XI -XIX, triều đại nào sau đây ở Việt Nam đã ba lần huy động toàn dân tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc?

- A. Triều Hồ. B. Triều Trần. C. Triều Lý. D. Triều Lê.

Câu 9. Trong lịch sử dân tộc, tư tưởng “Tiên phát chế nhân” là nét nổi bật trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nào sau đây?

- A. Kháng chiến chống quân xâm lược Tống thời Tiền Lê.
B. Kháng chiến chống quân xâm lược Thanh thời Tây Sơn.
C. Kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thời Trần.
D. Kháng chiến chống quân xâm lược Tống thời Lý.

Câu 10. Trong lịch sử chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam (thế kỉ X -XV), dòng sông nào sau đây ba lần ghi dấu ấn chiến thắng quân xâm lược?

- A. Sông Thạch Hãn. C. Sông Bạch Đằng. B. Sông Cửu Long. D. Sông Vàm Cỏ.

Câu 11. Trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh (1788 -1789), vua Quang Trung đưa ra lời hịch nào sau đây để phát huy tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân sĩ?

- A. “Nhằm thẳng quân thù mà bắn”.
B. “Cuộc kháng chiến nhất định sẽ thắng lợi và thuộc về ta”.
C. “Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”.
D. “Hãy đem sức ta mà giải phóng cho ta”,

Câu 12. Kế sách dùng cọc nhọn đóng xuống sông để chế ngự thuyền chiến của địch lần đầu được sử dụng trong cuộc kháng chiến nào sau đây của Việt Nam?

- A. Chống quân Nam Hán (thế kỉ X). B. Chống quân Nguyên (thế kỉ XIII).
C. Chống quân Minh (thế kỉ XIV). D. Chống quân Thanh (thế kỉ XVIII).

Câu 13. Trận quyết chiến chiến lược nào sau đây diễn ra trong cuộc kháng ch chống quân xâm lược Tống thời Lý?

- A. Trận Bạch Đằng. B. Trận Như Nguyệt.
C. Trận Ngọc Hồi - Đống Đa. D. Trận Rạch Gầm - Xoài Mút

Câu 14. Thực tiễn lịch sử chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam (từ đầu Cô nguyên đến cuối thế kỉ XIX) ghi nhận, đối tượng xâm lược chủ yếu đến từ

- A. phương Tây. B. phương Nam. C. phương Đông. D. phương Bắc.

Câu 15. Các cuộc kháng chiến của Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành được thắng lợi xuất phát từ nguyên nhân cơ bản nào sau đây

- A. Xây dựng được khối đoàn kết toàn dân vững chắc. B. Lấy lực lượng chính trị làm nòng cốt để đấu tranh.
C. Sử dụng lực lượng vũ trang đóng vai trò xung kích. D. Vận dụng sáng tạo nghệ thuật “tiên phát chế nhân”.

Câu 16. Trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam, quan điểm toàn dân đánh giặc mang ý nghĩa nào sau đây?

- A. Mọi người dân đều có trách nhiệm và tham gia đánh giặc, giữ nước.
B. Mọi người dân đều ra trận để bảo đảm cuộc kháng chiến thành công.
C. Cuộc kháng chiến diễn ra trên mọi mặt trận, nhất là kinh tế, văn hoá.
D. Huy động cả nước tham gia, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài.

Câu 17. Tính chất chính nghĩa của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam được thể hiện chủ yếu dựa trên cơ sở nào sau đây?

- A. Hình thức, phương pháp tiến hành. B. Lực lượng tham gia chiến tranh.
C. Mục đích và nhiệm vụ tiến hành. D. Tổ chức lãnh đạo cuộc chiến tranh.

Câu 18. Thắng lợi của nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông -Nguyên (thế kỉ XIII) tiếp tục góp phần bổ sung nghệ thuật quân sự nào sau đây của Việt Nam?

- A. Tập hợp cả dân tộc cùng ra trận để kháng chiến.
B. Tránh đánh lúc mạnh, khoét sâu điểm yếu của kẻ thù.
C. Kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh hiện đại.
D. Sử dụng ngoại giao mềm dẻo để kết thúc chiến tranh.

Câu 19. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) có vai trò quyết định đối với

- A. quá trình hình thành cộng đồng dân tộc. B. công cuộc cải cách ruộng đất.
C. sự tồn vong của quốc gia, dân tộc. D. chính sách giao bang với phương Tây.

Câu 20. Việt Nam luôn trở thành đối tượng nhòm ngó, can thiệp hoặc xâm lược của các thế lực bên ngoài **không** phải vì lí do nào sau đây?

- A. Là cửa ngõ trên đường giao thương quốc tế. B. Có vị trí địa chiến lược quan trọng ở châu Á.
C. Có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. D. Quốc phòng không được nhà nước quan tâm.

Câu 21. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của các cuộc kháng chiến thành công trong tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam?

- A. Bước đầu hình thành hệ tư tưởng trung quân và ái quốc.
B. Nâng cao lòng tự hào và ý thức tự tôn, tự cường dân tộc.
C. Nối tiếp những truyền thống tốt đẹp cộng đồng dân tộc.
D. Để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho dân tộc.

Câu 22. Trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), cuộc chiến tranh nào sau đây không thành công?

- A. Chống quân Nam Hán (thế kỉ X). B. Chống quân Thanh (thế kỉ XVIII).
C. Chống quân Tống (thế kỉ XI). D. Chống thực dân Pháp (thế kỉ XIX).

Câu 23. Lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) là

- A. Lê Lợi. B. Lý Thường Kiệt. C. Quang Trung. D. Ngô Quyền.

Câu 24. Đoạn trích “*Hiền tài là nguyên khí của nhà nước, nguyên khí mạnh thì trị đạo mới thịnh, khoa mục là đường thẳng của quan trường, đường thẳng mở thì chân nho mới cổ*” là sự phản ánh rõ nét về

- A. chính sách coi trọng nhân tài và đào tạo quan lại qua khoa cử dưới thời Lê.
B. việc đề cao, coi trọng nhân tài qua thi cử, không chấp nhận tiền cử người tài.
C. quá trình tuyển chọn quan lại chỉ cần người tài thông qua khoa cử của Lê Lợi.
D. nghĩa vụ, trách nhiệm của nhân tài đối với đất nước dưới thời Lê Thánh Tông.

Câu 25. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 -1077), quân dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự độc đáo nào sau đây?

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh bằng mọi giá.
- B. Tổ chức tổng tiến công và nổi dậy trên cả nước.
- C. Vây thành, diệt viện và đánh điểm diệt viện.
- D. Chủ động nghị hoà sau thắng lợi về quân sự.

Câu 26. Nội dung nào sau đây **không** phải đóng góp của phong trào Tây Sơn thế kỉ XVIII) đối với lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Lật đổ chính quyền vua Lê, chúa Trịnh.
- B. Đánh đuổi quân Xiêm và quân Thanh.
- C. Đánh đuổi quân Xiêm và quân Minh.
- D. Xoá bỏ ranh giới sông Gianh, Luỹ Thầy.

Câu 27. Phong trào nông dân Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII) thực hiện được nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Lật đổ được các chính quyền cai trị phương Bắc.
- B. Thống nhất hoàn toàn đất nước về mặt nhà nước.
- C. Lần lượt lật đổ các tập đoàn phong kiến cát cứ.
- D. Chia ruộng đất và đem lại tự do cho toàn dân.

Câu 28. Trong lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam, cuộc khởi nghĩa nào sau đây đã thực hiện “mục tiêu kép”: vừa lật đổ tập đoàn phong kiến cát cứ, vừa đảm nhận sứ mệnh bảo vệ Tổ quốc?

- A. Khởi nghĩa Tây Sơn.
- B. Khởi nghĩa Lam Sơn.
- C. Khởi nghĩa Bà Triệu.
- D. Khởi nghĩa Lý Bí.

Câu 29. Những địa danh nào sau đây được sử sách Việt Nam ghi danh gắn với chiến công của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (cuối thế kỉ XVIII)?

- A. Rạch Gầm - Xoài Mút, Chi Lăng - Xương Giang.
- B. Rạch Gầm - Xoài Mút và Ngọc Hồi - Đống Đa.
- C. Chương Dương, Cổ Loa và Ngọc Hồi - Đống Đa.
- D. Như Nguyệt, Thăng Long và Bạch Đằng Giang.

Câu 30. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858 -1884) của nhà Nguyễn thất bại vì nguyên nhân cơ bản nào sau đây?

- A. Quân đội triều đình Nguyễn không có sự chuẩn bị.
- B. Triều đình Nguyễn không có tư tưởng chống Pháp.
- C. Nhân dân thiếu kiên quyết trong cuộc chống Pháp.
- D. Triều đình không đưa ra được đường lối phù hợp.

Câu 31. Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa lịch sử về thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn (1427)?

- A. Chấm dứt vĩnh viễn sự xâm lược Đại Việt của phương Bắc,
- B. Chấm dứt ách đô hộ của nhà Minh kéo dài trong 20 năm.
- C. Xoá bỏ ranh giới chia cắt đất nước kéo dài nhiều thế kỉ.
- D. Đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất lãnh thổ của Lê Lợi.

Câu 32. Đường lối kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thời Trần có điểm khác biệt nào sau đây so với đường lối kháng chiến chống quân xâm lược Tống thời Lý?

- A. Chủ động nghị hoà để kết thúc chiến tranh.
- B. Thực hiện chiến lược “tiên phát chế nhân”.
- C. Lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều.
- D. Đánh vào lúc đối phương mạnh nhất.

Câu 33. Sự kiện nào sau đây đánh dấu kết thúc thời kì phong kiến độc lập tự chủ dài lâu của dân tộc Việt Nam?

- A. Vua Lê Chiêu Thống cầu cứu quân Thanh xâm lược Đại Việt (1788).
- B. Vương triều Hồ thất bại trong kháng chiến chống quân Minh (1407).
- C. Quân phiệt Nhật Bản hoàn thành cuộc xâm lược Đông Dương (1940).
- D. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp không thành công (1884).

Câu 34. Nội dung nào sau đây **không** phải đặc điểm chung của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của Việt Nam (thế kỉ X -thế kỉ XV)?

- A. Chống lại sự xâm lược của các triều đại phong kiến phương Bắc.
- B. Việc kết thúc chiến tranh phải sau trận quyết chiến chiến lược.
- C. Mang tính chất là các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc.
- D. Việc kết thúc chiến tranh thông qua giải pháp đàm phán ngoại giao.

Câu 35. Cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược của quân dân Đại Việt (cuối thế kỉ XVIII) có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

- A. Diễn ra trong bối cảnh đất nước mất độc lập.
- B. Giành thắng lợi lớn trên dòng sông Bạch Đằng.
- C. Diễn ra khi quân Xiêm đang xâm lược Đại Việt.
- D. Kết hợp chống ngoại xâm và chống nội phản.

Câu 36. Các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam (thế kỉ X -cuối thế kỉ XIX) thắng lợi có điểm chung nào sau đây?

- A. Đã xây dựng được lực lượng quân sự hùng hậu và hiện đại.
- B. Khéo léo phát huy sức mạnh nội lực tiến hành kháng chiến.

C. Nhận được sự giúp đỡ của các nước láng giềng.

D. Tấn công có quy mô lớn ngay khi kẻ thù xâm phạm lãnh thổ.

Câu 37. Nhận xét nào sau đây đúng về nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của Việt Nam (từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XVIII)?

A. Vũ khí được trang bị kĩ thuật hiện đại.

B. Biết phát huy sức mạnh của thời đại.

C. Lợi ích dân tộc được đặt lên hàng đầu.

D. Có đường lối kháng chiến trường kì.

Câu 38. Nội dung nào sau đây không phải bài học được rút ra từ thực tiễn các c khởi nghĩa và kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam?

A. Không khéo tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

B. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

C. Coi sức mạnh nội lực là yếu tố quyết định thắng lợi.

D. Vận dụng linh hoạt và sáng tạo nghệ thuật quân sự.

Câu 39. Những thất bại từ các cuộc kháng chiến không thành công trong lịch s dân tộc (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) để lại bài học kinh nghiệm nà sau đây?

A. Tiến hành chiến tranh nhân dân và huy động toàn dân kháng chiến.

B. Hiện đại hoá quân đội để quyết định việc thành bại của kháng chiến.

C. Phải có chính sách đối ngoại mềm mỏng, không xung đột với kẻ thù.

D. Xây dựng lực lượng quân đội chính quy, đông đảo hơn đối phương.

Câu 40. Nghệ thuật kết thúc chiến tranh của cuộc kháng chiến chống Tống (1075 -1077) và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1417 -1427) có điểm tương đồng nào sau đây?

A. Kiên quyết không đàm phán, lấy thắng lợi quân sự để kết thúc chiến tranh.

B. Chủ động đàm phán giảm bớt sự thương vong khi nổ ra cuộc chiến tranh.

C. Chủ động kết thúc chiến tranh khi đã giành thắng lợi quyết định về quân sự.

D. Coi trọng tư tưởng “hoà để tiến”, kết hợp tiến công và đàm phán hoà bình.

Câu 41. Cuộc chiến tranh nào sau đây của Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) mang tính chất là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc?

A. Chống quân Tống. C. Chống quân Thanh.

B. Khởi nghĩa Lam Sơn.

D. Chống quân Xiêm.

Câu 42. Các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử Việt Nam chống lại ách đô hộ của phương Bắc (từ thế kỉ II TCN đến đầu thế kỉ X) có mục tiêu cốt lõi nào sau đây?

A. Cơm áo hoà bình. C. Độc lập dân tộc.

B. Tự do ngôn luận.

D. Ruộng đất dân cày.

Câu 43. Cuộc kháng chiến không thành công nào sau đây dẫn đến hậu quả Việt Nam trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến của phương Tây?

A. Chống thực dân Pháp.

B. Chống quân Minh.

C. Chống quân Xiêm.

D. Chống quân Triệu.

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Lịch sử chống ngoại xâm vừa thử thách vừa tôi luyện dân tộc ta. Những cuộc chiến tranh yêu nước đã tạo nên cho dân tộc ta một bản lĩnh kiên cường, một sức sống bền bỉ, mãnh liệt, đã hun đúc nên truyền thống tốt đẹp, tiêu biểu là: lòng yêu nước tha thiết, ý thức độc lập tự chủ mạnh mẽ, tinh thần đoàn kết keo sơn, chí quật cường bất khuất, trí thông minh sáng tạo...”

(Phan Huy Lê, *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, NXB Hồng Đức, 2019, tr. 15)

a) Đoạn tư liệu cho thấy, các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam đều là chính nghĩa.

b) Việc chống ngoại xâm vừa đặt dân tộc Việt Nam đứng trước nhiều thử thách, vừa chứng minh ý chí quật cường, kiên quyết bảo vệ độc lập dân tộc.

c) Thông qua mỗi cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử, truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam từng bước được hình thành.

d) Từ thực tiễn các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cho thấy, muốn giữ vững hoà bình thì Việt Nam phải chủ động chuẩn bị dự phòng cho chiến tranh.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Trong kháng chiến chống ngoại xâm, nhất là đối với một kẻ thù hung bạo và có tiềm lực mạnh, tổ tiên chúng ta còn phải chú ý đặc biệt đến việc củng cố nội bộ lãnh thổ. Phải xây dựng đường sá, cầu cống, vét sông, khơi nguồn thường xuyên để có thể nhanh chóng chuyển quân rút lui chiến lược hay tổng phản công nhanh chóng...”

(Trương Hữu Quýnh, “Tác dụng của kháng chiến chống ngoại xâm đối với sự hình thành dân tộc Việt Nam”,
Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 5, 1981, tr.23)

- a) Xây dựng nội lực trong nước, khi có chiến tranh nội lực luôn giữ vai trò quyết định trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của Việt Nam.
- b) Cụm từ *“củng cố nội bộ lãnh thổ”* trong đoạn trích là việc giải quyết nội bộ trong nước, qua đó mới huy động được sức mạnh toàn dân tộc vào mục đích đại sự quốc gia.
- c) Lịch sử chống ngoại xâm cho thấy, những thắng lợi vẻ vang về chống ngoại xâm của Việt Nam đều gắn với các dòng sông.
- d) Tư tưởng chủ đạo trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc bá sát thực tiễn để linh hoạt và mềm dẻo.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Khi nước triều lên, Quyền [Ngô Quyền] sai người đem thuyền nhẹ ra kh chiến, giả thua chạy để dụ địch đuổi theo. Hoàng Tháo [chỉ huy quân Nam Hà quả nhiên tiến quân vào. Khi binh thuyền đã vào trong vùng cắm cọc, nước thà rút, cọc nhỏ lên, Quyền bèn tiến quân ra đánh, ai nấy đều liều chết chiến đấu [Quân Hoàng Tháo] không kịp sửa thuyền mà nước triều rút rất gấp, thuyền độ mắc vào cọc mà lật úp, rối loạn tan vỡ”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư Tập 1*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.203)

- a) Đoạn tư liệu cung cấp tri thức lịch sử về trận đại thủy chiến trên dòng sông Bạch Đằng năm 938, do Ngô Quyền lãnh đạo.
- b) Ngô Quyền có nghệ thuật quân sự độc đáo: lợi dụng địa hình và quy luật thủy triều để xây dựng trận địa bãi cọc ngầm tiêu diệt đối phương.
- c) Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã kết thúc thời kì Bắc thuộc lần thứ hai, mở ra thời kì độc lập tự chủ dài lâu cho dân tộc.
- d) Rút kinh nghiệm từ sự thất bại nặng nề trong trận đại thủy chiến năm 938, các triều đại phương Bắc đã từ bỏ hành động xâm lược Việt Nam.

Câu 4. Cho đoạn thông tin, tư liệu sau đây:

Viết về trận đại thủy chiến của quân Tây Sơn tiêu diệt quân Xiêm (sáng ngày 17-1-1785), do Nguyễn Huệ chỉ huy, Quốc sử quán triều Nguyễn có đoạn:

“[Nguyễn] Huệ đem hết quân mạnh mai phục ở Rạch Gầm và ở sông Xoài Mút (thuộc tỉnh Định Tường), rồi dụ quân Xiêm lại đánh,... Chiêu Tăng và Chiêu Sương thua to bỏ chạy, chỉ còn vài nghìn lính theo đường núi Chân Lạp mà chạy về”

(Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.223)

- a) Trận đại thủy chiến được đề cập trong đoạn trích là chiến thắng Rạch Gầm -Xoài Mút của quân Tây Sơn trước quân Xiêm xâm lược (1785).
- b) Cùng với chiến thắng Bạch Đằng, chiến thắng Rạch Gầm -Xoài Mút của quân Tây Sơn đã làm thất bại hoàn toàn tham vọng của quân Xiêm.
- c) Theo đoạn trích, toàn bộ 50 vạn quân xâm lược Xiêm đều bị tiêu diệt trên sông Tiền Giang, đoạn Rạch Gầm - Xoài Mút.
- d) Nguyễn Huệ có nghệ thuật quân sự độc đáo, đã huy động nhân dân kết hợp tổ chức mai phục với đánh điểm, diệt viện.

Câu 5. Cho đoạn thông tin, tư liệu sau đây:

Khi viết về nguyên nhân không thành công của nhà Nguyễn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1858 -1884), nhà sử học Võ Kim Cương khẳng định:

“Triều đình (nhà Nguyễn) đã mề tránh mọi giải pháp tích cực để giờ gìn nên độc lập, luôn luôn hi vọng cầu hoà, sợ sệt, hoặc đôi khi lại mang thơ tường cầu viện phương Bắc để giải quyết vấn đề sống còn của đất nước”

(Vô Kim Cương (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, Tập 6*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr.421)

- a) Theo thông tin, tư liệu, đây là cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam.
- b) Vua quan triều đình nhà Nguyễn không có tinh thần cương quyết đánh Pháp, có tư tưởng cầu hoà để bảo vệ lợi ích dòng họ.
- c) Những việc làm của vua quan nhà Nguyễn chứng tỏ tư tưởng coi trọng quyền lợi dòng tộc hơn là lợi ích của toàn dân tộc.
- d) Cụm từ “*vấn đề sống còn của đất nước*” trong đoạn trích là nguy cơ chủ quyền quốc gia dân tộc bị mất vào tay thực dân Pháp.

Câu 6. Cho đoạn tư liệu sau:

“*Một bản hiệp ước chuẩn bị sẵn gồm 27 điều khoản được trao cho triều đình Huế và chỉ được trả lời “thuận” hay “không thuận” trong vòng 24 giờ đồng hồ. Không còn cách nào khác, ngày 25-8-1883, đại diện triều đình Huế đành kí nhận hiệp ước (thường gọi là Hiệp ước Hác-măng)*”.

(Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam thế kỉ XIX (1802-1884)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.331)

- a) Theo đoạn tư liệu, đây là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc điển hình trong lịch sử dân tộc.
- b) Đối tượng của cuộc kháng chiến là liên quân Pháp -Hoa, diễn ra vào nửa đầu thế kỉ XIX.
- c) Tinh thần chống Pháp của đình Huế đã làm chậm quá trình Pháp bình định Việt Nam.
- d) Thực dân Pháp đã kết thúc quá trình xâm lược Việt Nam về quân sự sau hơn 1/4 thế kỉ.

Câu 7. Cho bảng thông tin sau đây:

Thời gian	Các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm
Năm 179 TCN	Nước Âu Lạc tiến hành cuộc kháng chiến chống quân Triệu.
Năm 938	Ngô Quyền lãnh đạo nhân dân chống quân Nam Hán.
Năm 981	Lê Hoàn lãnh đạo nhân dân chống quân Tống (lần 1).
Năm 1407	Nhà Hồ lãnh đạo nhân dân chống quân Minh.
1418-1427	Lê Lợi lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa lật đổ ách đô hộ của nhà Minh.

- a) Bảng thông tin cho biết các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm của Việt Nam là chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.
- b) Vào thế kỉ XV, cuộc khởi nghĩa Lê Lợi mang tính chất là cuộc chiến tranh phòng dân tộc.
- c) Tất cả các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm ở trên đều giành thắng lợi, bảo được vững chắc nền độc lập dân tộc.
- d) Một điểm chung của các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm ở bảng trên là để chống lại các triều đại đến từ phương Bắc.

Câu 8. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“*Quân Mông Cổ dựa vào sức ngựa có thể tiến ào ạt nhanh chóng. Sự vận động thần tốc độ thường uy hiếp được tinh thần của đối phương và chiếm được thế chủ động trong chiến tranh. Nhưng chiến trường Đại Việt không phải như những thảo nguyên miền Bắc. Đất nước Việt Nam với những sông ngòi chia cắt làm cho kị binh giặc khó phát huy được sở trường của mình. Quân Trần thường chặn đánh bọn chúng trên các khúc sông - đấy là những chiến lược tự nhiên -để tiêu diệt chúng*”.

(Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỉ XIII*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.344-345)

- a) Sức mạnh của quân Mông Cổ là lực lượng kị binh, nhất là khi tác chiến ở vùng đồng bằng.
- b) Trong cả ba lần xâm lược Đại Việt, quân Mông -Nguyên đều gặp bất lợi về địa hình, khí hậu.
- c) Nhà Trần đã kết hợp yếu tố thiên thời, địa lợi và nhân hoà trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- d) Địa hình là yếu tố bất lợi đối với quân Mông -Nguyên, nhưng quyết định sự thành công phụ thuộc vào đường lối lãnh đạo kháng chiến của vua tôi nhà Trần.

III. CÂU TỰ LUẬN

Câu 1. Kể tên 5 cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) thành công. Phân tích một nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự thành công của cuộc chiến tranh đó.

-Dựa vào kiến thức đã học, học sinh kể 5 cuộc chiến tranh trong lịch sử.

- Học sinh tự chọn một nguyên nhân để phân tích, nhưng có dẫn chứng cụ thể.

Ví dụ: truyền thống yêu nước, đoàn kết, ý chí quyết tâm chống xâm lược; các cuộc kháng chiến của Việt Nam đều là chính nghĩa, nên dễ dàng tập hợp lực lượng và phát huy sức mạnh toàn dân tộc; có sự lãnh đạo sáng suốt và đường lối kháng chiến đúng đắn; nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo,...

Câu 2. Trình bày vai trò và ý nghĩa của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

Cần làm rõ 4 ý cơ bản sau: Quyết định sự tồn vong của quốc gia, dân tộc; có tác động lớn đến quá trình hình thành quốc gia, dân tộc, đồng thời cũng tác động đến các chính sách quản lý đất nước, điều hành quốc gia; có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, đấu tranh bất khuất chống giặc ngoại xâm, khơi dậy và củng cố truyền thống dân tộc; chứng tỏ sức mạnh nội lực và vị thế của quốc gia, dân tộc trong khu vực và quốc tế,...

Câu 3. Những thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) đã để lại những bài học kinh nghiệm nào? Hãy liên hệ một bài học (tự chọn) còn giá trị đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Một số bài học kinh nghiệm: Tuyên truyền, vận động và tập hợp lực lượng tham gia kháng chiến; xây dựng, củng cố và không ngừng mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc; nghiên cứu và vận dụng nghệ thuật quân sự trong cuộc kháng chiến; xây dựng phải gắn với bảo vệ Tổ quốc (luôn chủ động chuẩn bị và đề phòng...).

- Học sinh chọn một bài học ở trên để liên hệ với ngày nay, nhưng phải có dẫn chứng cụ thể.

Câu 4. Trình bày những nét độc đáo về nghệ thuật tổ chức cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (1075 -1077).

Cần làm rõ 4 ý cơ bản sau: Chủ động tấn công trước (1075) để phòng thủ; rút quân khỏi đất Tống, sau đó xây dựng tuyến phòng thủ ngăn chặn bước tiến của quân Tống; tấn công bất ngờ để tiêu hao quân Tống (1077), làm cho đối phương gặp nhiều bất lợi; chủ động cử người sang đàm phán để kết thúc chiến tranh trong thể thắng, đồng thời giữ được thể diện cho nước lớn,...

Câu 5. Chứng minh: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc điển hình và độc đáo.

Cần làm rõ 5 ý cơ bản sau:

-Mục tiêu, nhiệm vụ: Đánh đuổi quân xâm lược nhà Minh, giành lại độc lập dân tộc,...

- Lãnh đạo và lực lượng tham gia: Lê Lợi, Nguyễn Trãi,... cùng đông đảo lực lượng trong xã hội (nông dân, binh lính, đồng bào các dân tộc,...).

-Kết thừa và phát huy nhiều truyền thống dân tộc: Yêu nước, đoàn kết,...

-Kết quả, ý nghĩa: Lật đổ ách thống trị của nhà Minh, khôi phục độc lập dân tộc,...; mở ra thời kì phát triển mới cho đất nước,...

-Sự độc đáo: Khởi nghĩa Lam Sơn được khởi nguồn và kết thúc bằng hội thề lịch sử: Hội thề Lũng Nhai (khởi nguồn của cuộc khởi nghĩa) và Hội thề Đông Quan (kết thúc cuộc khởi nghĩa thắng lợi).

Câu 6. Tóm tắt những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân Xiêm và chống quân Thanh (cuối thế kỉ XVIII) của quân dân Đại Việt. Vì sao nhiều đường phố, trường học hiện nay mang tên Nguyễn Huệ - Quang Trung?

- Học sinh tóm tắt hai cuộc kháng chiến, mỗi cuộc kháng chiến tập trung vào các ý: + Bối cảnh phải tiến hành cuộc kháng chiến.

+ Thời gian diễn ra, do ai lãnh đạo chỉ huy.

+ Nghệ thuật quân sự được áp dụng là gì? Thắng lợi quân sự quyết định kết thúc kháng chiến,...

+ Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến (bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền dân tộc).

- Nguyễn Huệ - Quang Trung có công lao lớn đối với dân tộc... Vì vậy, các thế hệ người dân Việt Nam nối tiếp truyền thống “uống nước nhớ nguồn”,...

Câu 7. Trong lịch sử chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) có những cuộc kháng chiến nào không thành công? Từ đó, phân tích một nguyên nhân (tự chọn) dẫn đến việc không thành công đó.

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học kể 3 cuộc kháng chiến không thành công

-Tự chọn một nguyên nhân dẫn đến không thành công để phân tích, có đi chứng cụ thể:

+ Chủ quan, coi thường đối phương, mất cảnh giác (tiêu biểu là cuộc kháng chiến chống quân Triệu).

+ Không được lòng dân, không phát huy được sức mạnh toàn dân tộc, không có đường lối kháng chiến đúng đắn (tiêu biểu là cuộc kháng chiến chống quân Minh (1407) của nhà Hồ).

+ Không có đường lối kháng chiến đúng đắn, không có lập trường kháng chiến vững vàng, có tư tưởng cầu hoà, không đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên; không đoàn kết tập hợp được sức mạnh toàn dân tộc (tiêu biểu là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1858 -1884).

Câu 8. Giải thích nguyên nhân dẫn đến việc không thành công của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam. Liên hệ một bài học lịch sử từ thực tiễn không thành công có giá trị đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Học sinh lựa chọn một trong ba nhóm nguyên nhân không thành công (ở câu 7) để giải thích, nhưng phải lấy dẫn chứng thông qua sự kiện cụ thể. - Liên hệ một bài học (tham khảo): Đoàn kết toàn dân để phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng gắn liền với bảo vệ Tổ quốc; hoặc trong bối cảnh quốc tế ngày nay đang diễn biến phức tạp, chúng ta phải theo dõi, nắm bắt tình hình để chủ động, linh hoạt ứng phó,...

BÀI 8. MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)

I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Đất nước có độc lập, có chủ quyền.
- B. Đất nước độc lập, nhưng chưa trọn vẹn.
- C. Đất nước mất độc lập, nhất tự chủ.
- D. Đất nước bị chia cắt, có chủ quyền.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây được coi là mở đầu thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam?

- A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- B. Khởi nghĩa Bà Triệu.
- C. Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ.
- D. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 3. Trong thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc, cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi và lập ra nhà nước Vạn Xuân?

- A. Khởi nghĩa Lý Bí.
- B. Khởi nghĩa Bà Triệu.
- C. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- D. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 4. Năm 248, cuộc khởi nghĩa nào sau đây đã diễn ra chống lại ách cai trị nhà Ngô

- A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- B. Khởi nghĩa Lý Bí.
- C. Khởi nghĩa Bà Triệu.
- D. Khởi nghĩa Phùng Hưng

Câu 5. Thời kì Bắc thuộc ở Việt Nam bắt đầu sau thất bại của

- A. An Dương Vương (179 TCN).
- B. khởi nghĩa Hai Bà Trưng (43)
- C. khởi nghĩa Bà Triệu (248).
- D. khởi nghĩa Lý Nam Đế (542)

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 -43) nhằm lật đổ ách thống trị của triều đại nào sau đây?

- A. Đông Hán.
- B. Đường.
- C. Tống.
- D. Nguyên.

Câu 7. Các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc bùng nổ xuất phát từ nguyên nhân sâu xa nào sau đây?

- A. Nhân dân Việt Nam đã thiết lập được chính quyền vững mạnh.
- B. Lợi dụng chính quyền phương Bắc khủng hoảng, tổ chức lòng lẻo.
- C. Ách cai trị, bóc lột nặng nề của chính quyền đô hộ phương Bắc.
- D. Mâu thuẫn của thủ lĩnh, quan lại người Việt với chính quyền đô hộ.

Câu 8. Trong lịch sử Việt Nam thời Bắc thuộc, thuật ngữ “khởi nghĩa” được hiểu là

- A. cuộc đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ.
- B. phong trào đấu tranh của nông dân nghèo.
- C. phong trào đấu tranh của thợ thủ công.
- D. cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền.

Câu 9. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 -43) có điểm độc đáo nào sau đây?

- A. Khởi nghĩa khi chính quyền Đông Hán suy yếu.
- B. Thu hút đông đảo nhân dân các dân tộc tham gia.
- C. Sử dụng lực lượng tượng binh giữ vai trò.
- D. Nhiều nữ tướng tham gia chỉ huy cuộc khởi nghĩa.

Câu 10. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam trong thời Bắc thuộc có đặc điểm nào sau đây?

- A. Diễn ra sôi nổi, liên tục và mạnh mẽ.
- B. Diễn ra trên phạm vi từ Bắc đến Nam.

C. Xây dựng nhà nước độc lập tự chủ.

D. Các cuộc khởi nghĩa đều thắng lợi.

Câu 11. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40-43) và khởi nghĩa Lý Bí (năm 542) có điểm giống nhau nào sau đây?

A. Diễn ra qua hai giai đoạn khởi nghĩa và kháng chiến. B. Đều chống lại ách đô hộ của nhà Hán.

C. Đều chống lại ách đô hộ của nhà Đường. D. Giành thắng lợi, đặt quốc hiệu cho lịch sử dân tộc.

Câu 12. So với khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 -43), chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền có điểm khác biệt nào sau đây?

A. Mở đầu cho cuộc đấu tranh chống đô hộ của nhân dân Âu Lạc.

B. Giành được nền độc lập tự chủ cho dân tộc trong một thời gian.

C. Giành được quyền tự chủ, bắt tay vào xây dựng chính quyền.

D. Kết thúc hơn một nghìn năm đô hộ phong kiến phương Bắc.

Câu 13. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 -1427) nổ ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Đất nước bị quân Minh đô hộ.

B. Đất nước ổn định và phát triển.

C. Nhà Trần rơi vào khủng hoảng.

D. Khởi nghĩa nông dân bùng nổ.

Câu 14. Phong trào Tây Sơn đề ra khẩu hiệu nào sau đây để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân?

A. “Lấy của người giàu chia cho người nghèo”. B. “Đem ruộng đất về cho người nông dân”.

C. “Phá kho thóc của chúa, chia cho nông dân”. D. “Tất cả ruộng đất là của nhân dân lao động”.

Câu 15. Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII) đã đánh bại hai kẻ thù xâm lược nào sau đây?

A. Quân Xiêm và quân Thanh.

B. Quân Nam Hán và quân Thanh.

C. Quân Tống và quân Minh.

D. Quân Minh và quân Thanh.

Câu 16. Lãnh đạo thành công cuộc khởi nghĩa đánh đuổi quân xâm lược nhà Đường năm 722 và được nhân dân suy tôn là “Bố cái đại vương” là

A. Mai Thúc Loan.

B. Phùng Hưng.

C. Bà Triệu.

D. Dương Đình Nghệ.

Câu 17. “*Tôi chỉ muốn cười cơn gió mạnh, đập luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang san, cởi ách nô lệ, hả chịu cúi đầu làm tì thiếp cho người ta!*”. Câu nói trên là của nữ tướng nào sau đây?

A. Bà Triệu (Triệu Thị Trinh).

B. Bà Trưng Trắc.

C. Nữ tướng Bùi Thị Xuân.

D. Công chúa Lê Ngọc Hân.

Câu 18. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào sau đây đã đưa đến sự thành lập Lê sơ?

A. Khởi nghĩa Lý Bí.

B. Khởi nghĩa Lam Sơn.

C. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

D. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

Câu 19. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây **không** nằm trong phong trào đấu tranh chống sự đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc?

A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

B. Khởi nghĩa Lam Sơn.

C. Khởi nghĩa Tây Sơn.

D. Khởi nghĩa Phùng Hưng

Câu 20. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời Bắc thuộc đã

A. để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho dân tộc.

B. chấm dứt hoàn toàn ách đô hộ của phong kiến phương Bắc.

C. mở ra kỉ nguyên mới -kỉ nguyên độc lập, tự chủ của dân tộc.

D. khẳng định vai trò to lớn của lực lượng vũ trang ba thứ quân.

Câu 21. Nhiệm vụ nào sau đây được đặt ra cho phong trào Tây Sơn sau khi đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong?

A. Tiến quân ra Bắc, phối hợp với vua Lê, đánh đổ chúa Trịnh.

B. Tiến quân ra Bắc tiêu diệt 29 vạn quân Thanh xâm lược.

C. Tiến ra Bắc đánh đổ chính quyền Lê -Trịnh, thống nhất đất nước.

D. Tiến ra bắc phối hợp với chúa Trịnh, lật đổ chính quyền vua Lê.

Câu 22. Việc Lý Bí đặt tên nước Vạn Xuân (544) thể hiện ý nghĩa nào sau đây?

A. Mong muốn quốc gia tồn tại lâu dài, yên vui.

B. Mong muốn đất nước luôn ổn định, hoà bình.

C. Khẳng định ý chí và quyết tâm bảo vệ độc lập, tự chủ.

D. Khẳng định ý chí và quyết tâm duy trì hoà bình, ổn định.

Câu 23. Nội dung nào sau đây **không** phải bởi cảnh dẫn đến sự bùng nổ của phong trào Tây Sơn?

- A. Đại Việt mất độc lập, tự chủ.
- B. Đất nước bị chia cắt kéo dài.
- C. Nguy cơ bị ngoại xâm dòm ngó.
- D. Khủng hoảng về kinh tế, chính trị.

Câu 24. Hội thề Lũng Nhai (Thanh Hoá) do Lê Lợi tổ chức có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Để củng cố lực lượng, tìm phương hướng đưa khởi nghĩa tiến lên.
- B. Đập tan âm mưu thủ tiêu văn hoá Đại Việt của quân xâm lược Minh.
- C. Đặt cơ sở hình thành hạt nhân của bộ tham mưu khởi nghĩa Lam Sơn.
- D. Bàn các kế sách đối phó với giặc Minh, kêu gọi nhân dân kháng chiến.

Câu 25. Sự thất bại của các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc (từ năm 179 TCN đến trước năm 938) là do

- A. chênh lệch về tương quan lực lượng.
- B. không được sự ủng hộ của nhân dân.
- C. quý tộc người Việt chống đối, đàn áp.
- D. điều kiện thời tiết quá khắc nghiệt.

Câu 26. Nội dung nào sau đây **không** phải ý nghĩa lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)?

- A. Mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.
- B. Phát triển thành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.
- C. Đập tan âm mưu nhà Minh đồng hoá Đại Việt.
- D. Đánh tan thế lực ngoại xâm hùng mạnh.

Câu 27. Nội dung nào sau đây **không** phải ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII)?

- A. Từ cuộc khởi nghĩa ở địa phương, phát triển thành phong trào dân tộc rộng lớn.
- B. Lật đổ chính quyền Nguyễn -Trịnh, xoá bỏ ranh giới sông Ranh -Luỹ Thầy.
- C. Đập tan các thế lực ngoại xâm, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.
- D. Đập tan âm mưu thủ tiêu văn hoá Đại Việt, mở ra thời kì phát triển mới.

Câu 28. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây đã đặt cơ sở bước đầu cho việc thống nhất đất nước vào cuối thế kỉ XVIII?

- A. Khởi nghĩa Lý Bí.
- B. Khởi nghĩa Lam Sơn.
- C. Khởi nghĩa Tây Sơn.
- D. Khởi nghĩa Bà Triệu.

Câu 29. Khởi nghĩa Lam Sơn nổ ra và giành thắng lợi (1418 -1427), mang tính chất nào sau đây?

- A. Chiến tranh giải phóng dân tộc.
- B. Cải cách toàn diện của đất nước.
- C. Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.
- D. Xoá bỏ các thế lực phong kiến.

Câu 30. Tình hình chính trị ở Đàng Trong cuối thế kỉ XVIII rơi vào tình trạng khủng hoảng vì nguyên nhân cơ bản nào sau đây?

- A. Bộ máy công kênh, tệ tham nhũng, mua quan bán tước.
- B. Phong trào đấu tranh của nhân dân lan rộng.
- C. Nội bộ chính quyền tranh đấu lẫn nhau.
- D. Sự chống phá quyết liệt từ các thế lực ngoại bang.

Câu 31. Tình hình xã hội ở Đàng Trong thế kỉ XVI thời các chúa Nguyễn cai quản mang đặc điểm nổi bật nào sau đây?

- A. Mọi tầng lớp nhân dân đều bất bình, đứng lên đấu tranh.
- B. Xã hội ổn định, đời sống của nhân dân được nâng cao.
- C. Xã hội rối ren do các thế lực phong kiến tranh đấu lẫn nhau.
- D. Xã hội bất ổn do sự chống phá của các thế lực ngoại bang.

Câu 32. Việc Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII), từ một cuộc khởi nghĩa địa phương phát triển thành phong trào dân tộc rộng lớn đã

- A. khôi phục hoàn toàn nền độc lập dân tộc.
- B. đánh tan các thế lực ngoại xâm hùng mạnh.
- C. củng cố chính quyền dân chủ lâu dài cho dân tộc.
- D. lật đổ ách thống trị của phong kiến phương Bắc.

Câu 33. Việc Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII), từ một cuộc khởi nghĩa địa phương phát triển thành phong trào dân tộc rộng lớn đã

- A. bước đầu xây dựng nền độc lập dân tộc.
- B. đặt cơ sở cho thống nhất đất nước về sau.
- C. củng cố nền quân chủ lập hiến lâu dài cho dân tộc.
- D. lật đổ ách thống trị của phong kiến phương Bắc.

Câu 34. Việc Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII), từ một cuộc khởi nghĩa địa phương phát triển thành phong trào dân tộc rộng lớn đã

- A. khôi phục hoàn toàn nền độc lập, thống nhất đất nước.
- B. lật đổ chính quyền phong kiến Nguyễn -Trịnh - Lê.
- C. củng cố nền độc lập tự chủ lâu dài cho triều Tây Sơn.
- D. lật đổ ách thống trị của phong kiến phương Bắc.

Câu 35. Những thắng lợi quân sự vẻ vang trong phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII), đã góp phần

- A. làm suy yếu chế độ phong kiến ở Việt Nam.
- B. bảo vệ vững chắc nền độc lập của dân tộc.
- C. mở ra thời kì độc lập tự chủ lâu dài cho Đại Việt.
- D. lật đổ ách thống trị của phong kiến phương Bắc.

Câu 36. Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV) **không** có đặc điểm chung nào sau đây?

- A. Chống lại sự xâm lược của các triều đại phong kiến phương Bắc.
- B. Kết thúc sau trận đánh quyết định, đập tan ý đồ của kẻ thù.
- C. Là các cuộc kháng chiến nhằm bảo vệ nền độc lập của dân tộc.
- D. Nhún nhường với kẻ xâm lược ngay khi kết thúc kháng chiến.

Câu 37. Trận Tốt Động - Chúc Động và Chi Lăng - Xương Giang trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) có điểm giống nhau nào sau đây về cách đánh giặc?

- A. Kết hợp thủy chiến với bộ binh tấn công từ hai hướng.
- B. Vừa đánh, vừa tiến hành hoạt động đàm phán ngoại giao.
- C. Đóng cọc gỗ trên dòng sông để phục kích quân Minh.
- D. Dựa vào địa hình để phục kích nhằm tiêu hao sinh lực địch.

Câu 38. Bài học kinh nghiệm nào sau đây không được rút ra từ phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII)?

- A. Đoàn kết nội bộ trong bộ chỉ huy.
- B. Phát huy sức mạnh của nhân dân.
- C. Kiên quyết tiêu diệt tận gốc kẻ thù.
- D. Cần có chiến lược đúng đắn.

Câu 39. Một trong những nhân tố quyết định thắng lợi trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam là

- A. tập hợp được sức mạnh của toàn dân.
- B. chủ trương giành thắng lợi từng bước.
- C. kết hợp đấu tranh quân sự với ngoại giao.
- D. đa phương hoá trong quan hệ quốc tế.

Câu 40. Nghệ thuật quân sự được sử dụng xuyên suốt trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước năm 1945 có đặc điểm chung nào sau đây?

- A. Sử dụng nghệ thuật “Vừa đánh, vừa đàm”.
- B. Sử dụng nghệ thuật “Đánh chắc, tiến chắc”.
- C. Sử dụng nghệ thuật “Đánh nhanh, thắng nhanh”.
- D. Sử dụng nghệ thuật “Chiến tranh nhân dân”.

Câu 41. Nội dung nào sau đây là bài học lịch sử được rút ra từ các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)?

- A. Vai trò của phát triển kinh tế đất nước.
- B. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.
- C. Sự cải cách, đổi mới toàn diện đất nước.
- D. Sự liên minh chiến đấu của các quốc gia.

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Chị em [Trung Trắc, Trung Nhị] đều có tiếng dũng lược, căm giận Tô Di chinh lệnh hà khắc tàn ngược, tụ họp người các bộ, hăng hái dấy đội quân hàng vạn, lòng lấy uy danh, quận huyện hưởng ứng, cho nên lấy được 65 thành ở Lim Ngoại, thu lại hết đất cũ Nam Việt, cũng là bậc hào kiệt trong nữ lưu”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư Tập 1*, NXB Khoa học xã hội, 1998, tr. 119)

- a) Đoạn tư liệu đề cập đến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40-43).
- b) Hai Bà Trưng tập hợp được nhiều phụ nữ và trở thành chỉ huy cuộc khởi nghĩa
- c) Sau khi giành thắng lợi, Hai Bà Trưng lên ngôi Hoàng đế, đóng đô ở Mê Linh.
- d) Hai Bà Trưng trực tiếp chỉ huy cuộc chiến đấu ở 65 Đại La và giành thắng lợi.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Vua có tài văn võ, trước làm quan với nhà Lương, gặp loạn, trở về Thái Bình, bấy giờ bọn thú lệnh tàn bạo hà khắc, Lâm Ấp cướp phá ngoài biên, vua dấy binh đánh đuổi được, xưng là Nam Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1*, NXB Khoa học xã hội, 1998, tr. 178 - 179)

- a) Đoạn tư liệu đề cập đến cuộc khởi nghĩa Lý Bí nổ ra ở vùng Thái Bình năm 544.
- b) Cuộc khởi nghĩa Lý Bí bùng nổ chống lại ách cai trị tàn bạo của nhà Lương.
- c) Lý Bí là quan lại người Việt đầu tiên nổi dậy chống lại chính quyền đô hộ.
- d) Đây là cuộc khởi nghĩa duy nhất thắng lợi, thiết lập chính quyền ở Thăng Long.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Vị thế của người anh hùng Phùng Hưng không chỉ ở chỗ là người khởi xướng và lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa chống chế độ đô hộ nhà Đường, mà còn ở chỗ là người mở đầu cho xu thế Việt trong lãnh đạo đất nước, là một vị “vua cha mẹ”.

(Trương Hữu Quýnh, *Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng Khu di tích lịch sử - văn hoá Đường Lâm*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.24)

a) Đoạn tư liệu đề cập đến cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng chống lại ách đô hộ của nhà Đường diễn ra vào thế kỉ VIII.

b) Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng đã nhanh chóng lật đổ hoàn toàn ách thống trị của nhà Đường, mở đường cho việc thiết lập chế độ quân chủ.

c) Khởi nghĩa đã làm suy yếu ách cai trị của nhà Đường, góp phần tạo điều kiện cho việc giành quyền tự chủ của người Việt về sau.

d) Khởi nghĩa thắng lợi, Phùng Hưng lên ngôi Hoàng đế, xây dựng nhà nước dân chủ, đóng đô tại Đường Lâm.

Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoàn binh. Dùng đoàn chế trường là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như cách tầm ăn, không cầu thắng chóng, thì chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy. Và lại, khoan thư sức dân làm kẻ sâu rễ, bền gốc. Đó là thượng sách giữ nước”.

(Lời của Trần Quốc Tuấn, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 79)

a) Trong nghệ thuật quân sự chỉ cần lựa chọn xây dựng phòng tuyến chế ngự giặc.

b) Đoạn tư liệu nói về nghệ thuật chiến tranh nhân dân và chiến thuật mềm dẻo của vua tôi nhà Trần.

c) Chủ trương của nhà Trần là lựa chọn người có tài trong dòng họ để chỉ huy.

d) Đoàn kết nhân dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc là chủ trương bách thắng.

Câu 5. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Vào sáng ngày mùng 5 Tết, tiếng súng nổ liên hồi ở mạn tây nam làm Tôn Sĩ Nghị tỉnh giấc. Đồn Ngọc Hồi đã bị tấn công. Đang lo lắng hướng về phía đó đợi tin, Tôn Sĩ Nghị bỗng thấy lửa rực cháy ở phía Đống Đa và tiếng quân ta hò reo ngày càng gần. Y hốt hoảng, không còn biết xử trí sao nữa, đành nhảy lên “ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp” cùng một số tùy tùng chạy qua cầu phao, vượt sông Hồng lên mạn bắc. Quân sĩ thấy tướng đã chạy, bèn hòa nhau chạy theo chen chúc vượt qua cầu”

(Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr.42-43)

a) Đoạn tư liệu đề cập đến quân Tây Sơn chiến thắng quân Thanh tại trận Ngọc Hồi -Đống Đa năm 1789.

b) Bằng cách đánh chính diện và vu hồi, chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa đã làm cho quân Thanh khiếp sợ phải rút chạy về nước.

c) Sau trận chiến thắng Tết Kỷ Dậu, vua Quang Trung chủ động đàm phán tạo điều kiện cho quân Thanh rút về nước.

d) Phong trào Tây Sơn đã đánh tan quân xâm lược đến từ phương Bắc và phương Tây, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

Câu 6. Cho đoạn trích sau đây: “*Ninh Kiều máu chảy thành sông,*

hôi tanh muôn dặm Tót Động thây phơi đầy nội,

thối để nghìn thu Tâm phúc giặc,

Trần Hiệp phải bêu đầu Sầu một dân,

Lý Lượng cũng bỏ mạng Vương Thông gỡ rối mà lửa lại càng bùng

Mã Anh cứu nguy mà giận càng thêm dữ”.

(Trích: *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi))

a) Đoạn trích trên phản ánh về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống vương triều Lý.

b) Chiến thắng Tới Động - Chúc Động đã tạo điều kiện quyết định đưa đến thất bại của trận Ngọc Hồi - Đống Đa.

c) Nguyễn Trích, Vương Thông là các tướng giỏi của quân Đại Việt trong khởi nghĩa Lam Sơn.

d) “*Bình Ngô đại cáo*” có giá trị và ý nghĩa như bản “*Tuyên ngôn độc lập*” thứ hai của Việt Nam sau bài “*Nam quốc sơn hà*” thời Lý.

Câu 7. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“*Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc nông dân khởi nghĩa duy nhất trong thời phong kiến Việt Nam đã đánh bại kẻ thù trong và ngoài nước (...). Phong trào đã lật nên thống trị của các tập đoàn phong kiến phản động, kết thúc tình trạng phân chia đất nước kéo dài trên hai thế kỉ, đánh tan quân xâm lược Xiêm và Thanh, đặt cơ sở cho công cuộc khôi phục quốc gia thống nhất sau này*”.

(Phan Huy Lê, *Tìm hiểu thêm về phong trào nông dân Tây Sơn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1961, tr.37)

- a) Đoạn tư liệu phản ánh đóng góp của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc thế kỉ XVIII.
- b) Khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc khởi nghĩa nông dân duy nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam.
- c) Một trong những công lao to lớn của phong trào Tây Sơn là lật đổ các tập đoàn phong kiến phản động, bước đầu thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- d) Khởi nghĩa Tây Sơn đã đánh tan quân xâm lược đến từ phương Tây, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

Câu 8. Cho bảng thông tin sau đây:

Giai đoạn	Diễn biến chính
1418-1423	Năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hoá). Quân Minh liên tục tổ chức tấn công, bao vây căn cứ Lam Sơn. Nghĩa quân ba lần phải rút lên núi Chí Linh, chịu nhiều tổn thất.
1424-1426	Năm 1424, nghĩa quân chuyển vào Nghệ An, dựa vào đó quay ra đánh lấy Đông Đô. Nghĩa quân nhanh chóng giải phóng Nghệ An, Thanh Hoá rồi tấn công ra Bắc.
1426-1427	Năm 1426, nghĩa quân đánh tan trên 5 vạn quân Minh trong trận Tốt Động - Chúc Động. Năm 1427, nghĩa quân đánh tan 15 vạn viện binh trong trận Chi Lăng - Xương Giang. Vương Thông ở thành Đông Quan chấp nhận nghị hoà, rút quân về nước.

- a) Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo nổ ra ở vùng núi rừng Lam Sơn -Thanh Hoá vào cuối thế kỉ XV.
- b) Núi Chí Linh là nơi Lê Lợi chọn làm căn cứ lâu dài cho cuộc khởi nghĩa và nơi đây diễn ra nhiều trận đánh quyết định.
- c) Tại trận Chi Lăng - Xương Giang, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh tan đội quân cứu viện của nhà Minh.
- d) Từ khi chuyển quân vào Nghệ An năm 1424, thế và lực của nghĩa quân đã thay đổi, mở rộng được nhiều vùng giải phóng.

Câu 9. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“*Nam để nhà (Tiền) Lý dẫu sức không địch nổi giặc Lương đến nổi công cuộc không thành, nhưng đã biết nhân thời cơ vùng dậy, tự làm chủ lấy nước mình, đủ làm thanh thế mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này...*”.

(Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục, Tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 164-165)

- a) Đoạn tư liệu nói về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam thời Bắc thuộc, do Lý Bí lãnh đạo, nổ ra ở vùng Thái Bình -Sơn Tây.
- b) Cuộc khởi nghĩa mặc dù thất bại nhưng đã có ý nghĩa lớn, “*đủ làm thanh thế mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này...*”.
- c) Cuộc khởi nghĩa Lý Bí giành được thắng lợi, đã lập được chính quyền tự chủ trong một thời gian, đặt tên nước là Vạn Xuân.
- d) Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lý Bí đã kết thúc hơn 1000 năm Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập tự chủ lâu dài cho đất nước.

III. CÂU TỰ LUẬN

Câu 1. Từ những kiến thức đã học, hãy rút ra nhận xét về các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III đến cuối thế kỉ XIX).

- Khẳng định: Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam phải tiến hành nhiều cuộc chiến tranh, chống lại sự xâm lược và đô hộ của nhiều thế lực khác nhau,...
- Một số nhận xét được rút ra:

Về tần suất	Diễn ra liên tục, chứng tỏ tinh thần yêu nước, ý chí không chịu khuất phục trước sự
-------------	---

	xâm lược, cai trị của kẻ thù,...
Về đối tượng, kẻ thù của dân tộc	Rất nhiều kẻ thù khác nhau, nhưng chủ yếu đến từ phương Bắc (các triều đại từ Trung Hoa, quân Mông -Nguyên)....
Hình thức, phương pháp tiến hành	Đấu tranh vũ trang, kết hợp nhiều phương pháp khác nhau.
Tính chất chiến tranh	Là chính nghĩa, thực hiện nhiệm vụ giải phóng hoặc bảo vệ Tổ quốc.
Ý nghĩa	Nối tiếp và phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc, đặc biệt là truyền thống yêu nước và đoàn kết, ý chí quyết chiến, quyết thắng, ý chí giành và bảo vệ độc lập dân tộc,....

Câu 2. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III đến cuối thế kỉ XIX) để lại những bài học nào cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Học sinh có thể đưa ra một số bài học tiêu biểu như sau:

- Bài học về tiếp tục củng cố và không ngừng mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc trong thực hiện nhiệm vụ mới. Kiên quyết đấu tranh chống lại các âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc,....
- Bài học về nối tiếp và phát huy truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước.
- Bài học về chủ động nắm bắt tình hình, bối cảnh quốc tế để sẵn sàng ứng phó linh hoạt với bối cảnh mới -nếu có chiến tranh xảy ra, tránh bị động.....; Tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước,...

Câu 3. Trình bày nguyên nhân đưa tới thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 -1427). Phân tích vai trò của người lãnh đạo trong cuộc khởi nghĩa.

Nguyên nhân chủ quan	Nguyên nhân khách quan
Phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, ý chí quyết tâm; bộ chỉ huy, người lãnh đạo tài giỏi; nhận được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân,...; đường lối lãnh đạo đúng đắn, linh hoạt và sáng tạo.	Đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa với kẻ thù, nên dễ bị cô lập; quân Minh không quen địa hình, khí hậu,... nên gặp nhiều bất lợi.

Học sinh dựa vào vai trò của Lê Lợi để phân tích (tập hợp lực lượng, đề ra chiến thuật, cách đánh,...).

Câu 4. Có đúng không khi khẳng định: Khởi nghĩa Lam Sơn là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc điển hình trong lịch sử Việt Nam? Vì sao?

Học sinh dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi (bám sát, mục tiêu, nhiệm vụ khởi nghĩa).

Câu 5. Từ thực tiễn lịch sử, hãy rút ra những nét chính về nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong tiến trình phát triển của phong trào Tây Sơn.

Học sinh có thể rút ra những nét chính về nghệ thuật quân sự như sau:

- Nghệ thuật tập hợp và mở rộng lực lượng (dùng lời hịch trong quá trình phát triển phong trào), phát triển ra toàn quốc.
- Nghệ thuật bao vây và tấn công thành như đánh thành Quy Nhơn, thánh Phú Xuân (Huế), Ngọc Hồi (Đống Đa, Hà Nội)
- Nghệ thuật xây dựng thế trận mai phục trên dòng sông Tiền.
- Nghệ thuật hành quân thần tốc đánh đuổi quân Thanh,...

Câu 6. Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII) đã để lại những bài học gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay?

- Bài học về phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết.
- Bài học về nghiên cứu nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ - Quang Trung để tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.
- Bài học về cải cách, xây dựng đất nước: nhà Tây Sơn được thành lập, vua Quang Trung coi trọng xây dựng, phát triển đất nước, tiến hành nhiều cải cách.....

BÀI 9. CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV)

I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ **không** diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Hồ Quý Ly đang nắm thực quyền. B. Đất nước đang khủng hoảng triền miên.
C. Đất nước đã mất độc lập, tự chủ. D. Phương Bắc đang chuẩn bị xâm lược.

Câu 2. Năm 1396, Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mang tên là

A. “Thông bảo hội sao”.

C. “Thiên phúc trấn bảo”.

B. “Thái bình thông bảo”.

D. “Thái Đức thông bảo”.

Câu 3. Trong cải cách về văn hoá - giáo dục, Hồ Quý Ly và triều Hồ đề cao và khuyến khích sử dụng chữ viết nào sau đây?

A. Chữ Hán.

B. Chữ Quốc ngữ.

C. Chữ Nôm.

D. Chữ Phạn.

Câu 4. Để tăng cường sức mạnh quân sự, Hồ Quý Ly và triều Hồ thực hiện biện pháp cải cách nào sau đây?

A. Cải cách việc học tập, thi cử để chọn người tài.

B. Thực hiện chính sách hạn điền, hạn nô.

C. Lập lại kỉ cương, cải tổ quy chế quan lại.

D. Xây dựng hệ thống phòng thủ quy mô lớn.

Câu 5. Năm 1397, Hồ Quý Ly cho xây dựng công trình kiến trúc nào sau đây?

A. Chùa Diên Hựu.

B. Tháp Báo Thiên.

C. Thành Tây Đô.

D. Tháp Phổ Minh.

Câu 6. Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về tôn giáo của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV)?

A. Hạn chế gia nô, chủ gia nô chỉ được có một số nô tì nhất định.

B. Hạn chế sự phát triển thái quá của Phật giáo và Đạo giáo.

C. Xoá bỏ tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất của quý tộc.

D. Thành lập nhiều cơ quan, đặt ra nhiều chức quan mới.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là cải cách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV)?

A. Xây dựng phòng tuyến chống giặc trên sông Như Nguyệt.

B. Ban hành quy chế và hình luật mới của quốc gia.

C. Cải tiến vũ khí, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến.

D. Bố trí mai phục và đóng cọc gỗ trên sông Bạch Đằng.

Câu 8. Hồ Quý Ly và triều Hồ thực hiện chính sách hạn điền nhằm mục đích nào sau đây?

A. Chia ruộng đất công cho nông dân nghèo.

B. Hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân.

C. Bảo vệ sức kéo cho sản xuất nông nghiệp.

D. Xoá bỏ tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV)?

A. Vai trò, sức mạnh của nhà nước được tăng cường.

B. Hạn chế được sự thái quá của Phật giáo.

C. Lĩnh vực quân đội, quốc phòng được củng cố.

D. Giúp Đại Việt thoát khỏi nguy cơ bị xâm lược.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phải là điểm tiến bộ trong cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV)?

A. Hạn chế tập trung ruộng đất trong tay địa chủ.

B. Tăng cường quyền lực của chính quyền trung ương.

C. Đưa ra nhiều cải cách văn hoá, giáo dục tiến bộ.

D. Giải phóng hoàn toàn lực lượng nô tì trong xã hội.

Câu 11. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV) có tác động tích cực nào sau đây đối với đất nước thời bấy giờ?

A. Tăng cường thế lực cho các quý tộc họ Trần.

B. Giải quyết triệt để mọi mâu thuẫn trong xã hội.

C. Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

D. Bước đầu xác lập mô hình phát triển mới của Đại Việt.

Cho 12. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới việc thành công trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XV)

A. Sự chống đối của quý tộc Trần.

B. Tài chính đất nước trống rỗng

C. Đất nước đang diễn ra nội chiến.

D. Sự uy hiếp của triều Thanh,

Câu 13. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV) có tác động nào sau đây đến tình hình đất nước lúc bấy giờ?

A. Tạo ra những mâu thuẫn xã hội mới giữa quý tộc Trần với quý tộc Hồ

B. Xã hội Đại Việt rối ren, đời sống nhân dân đói khổ, đất nước bị chia cắt

C. Củng cố chính quyền trung ương, giảm bớt thế lực của tầng lớp quý tộc.

D. Giúp cho đất nước phát triển mạnh, đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc.

Câu 14. Trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu kỉ XV), nội dung nào sau đây hướng tới mục tiêu nâng cao dân trí

A. Chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến, cải tiến vũ khí.

B. Chủ trương mở rộng hệ thống trường học, sửa đổi thi cử.

C. Ban hành tiền giấy và thu hồi tất cả các loại tiền đồng.

D. Hạn chế sự phát triển tràn lan của Phật giáo, Đạo giáo.

Câu 15. Nhận xét nào sau đây **không** đúng với cuộc cải cách của Hồ Quý Ly triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV)?

A. Cuộc cải cách lớn và toàn diện trong thời kì văn minh Đại Việt.

B. Cuộc cải cách toàn diện trên các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, xã hội.

C. Cuộc cải cách toàn diện và táo bạo trong thời kì dân chủ ở Việt Nam.

D. Cuộc cải cách có nhiều nội dung tích cực, tiến bộ vượt thời đại.

Câu 16. Lĩnh vực nào sau đây trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV) để lại cho Việt Nam di sản văn hoá thế giới?

A. Kiến trúc quân sự.

B. Kỹ thuật chế tạo vũ khí.

D. Kiến trúc Phật giáo.

Câu 17. Tính dân tộc trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV) được thể hiện rõ nhất ở nội dung nào sau đây?

A. Đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong đời sống chính trị nhà nước.

B. Hạn chế sự phát triển của Phật giáo và Đạo giáo trong đời sống của nhân dân.

C. Đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Nôm đặc biệt trong giáo dục và thi cử.

D. Cải cách nghi lễ triều đình và y phục của quan lại theo hướng quy củ, thống nhất.

Câu 18. Nhiệm vụ nào sau đây được coi là sự sống còn đối với cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV)?

A. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trầm trọng kéo dài nhiều năm.

B. Giữ vững độc lập trước các thế lực ngoại xâm của quân Minh và Chiêm Thành

C. Giải quyết hạn chế đang tồn tại của mô hình quân chủ thân dân của nhà Trần.

D. Xây dựng một mô hình nhà nước mới phù hợp, có tính bền vững với xu thế.

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG -SAI

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Tiền giấy chẳng qua chỉ là mảnh giấy vuông, phí tổn chỉ đáng năm ba đồng tiền, mà đem đổi lấy vật đáng 5 -6 trăm đồng của người ta, cố nhiên không phải là cái đạo đúng mức. Và lại, người có tiền giấy cất giữ cũng dễ rách nát, mà kẻ làm giả mạo sinh ra không cùng, thực không phải là cách bình ổn vật giả mà lưu thông của cải của dân vậy. Quý Ly không xem xét kĩ đến cái gốc lợi hại, chỉ ham chuộng hư danh sáng chế, để cho tiền của hàng hoá thường vẫn lưu thông tức là sinh ra ứ đọng, khiến dân nghe thấy đã sợ, thêm mối xôn xao, thế có phải là chế độ bình trị đâu”.

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.112)

a) Trong cuộc cải cách, Hồ Quý Ly đề xướng sử dụng tiền giấy “Thông bảo hội sao” thay thế tiền đồng.

b) Sử dụng tiền giấy không ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hàng hoá lúc bấy giờ.

c) Đoạn tư liệu phê phán Hồ Quý Ly thay thế tiền giấy bằng tiền đồng sẽ dễ bị làm giả, khó cất giữ.

d) Sử dụng tiền giấy là một cải cách táo bạo của Hồ Quý Ly để lại bài học cho sau này.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Về văn hoá, tư tưởng, cải cách của Hồ Quý Ly thể hiện tinh thần phát huy văn hoá dân tộc, đề cao chữ Quốc ngữ (chữ Nôm), đồng thời bài bác tư tưởng các thánh hiền Trung Quốc mà gần như toàn thế giới nho sĩ bấy giờ vẫn coi là bất khả xâm phạm. Về giáo dục, nội dung cải cách thể hiện tinh thần yêu nước, tinh đại chúng và gần bó với cuộc sống”.

(Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hoà, *Cải cách Hồ Quý Ly*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2012)

a) Đoạn tư liệu đề cập đến cải cách của Hồ Quý Ly diễn ra trên lĩnh vực quân sự.

b) Cải cách về văn hoá, tư tưởng của Hồ Quý Ly thể hiện nhiều điểm tích cực, tiến bộ.

c) Cải cách của Hồ Quý Ly đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Hán trong việc sáng tác thơ văn.

d) Nội dung cải cách giáo dục thể hiện tinh thần yêu nước, tự tôn, mang tính quần chúng sâu sắc.

III. CÂU TỰ LUẬN

Câu 1. Hồ Quý Ly và triều Hồ tiến hành cuộc cải cách trong bối cảnh đất nước những thuận lợi và khó khăn gì?

- Thuận lợi: Đất nước độc lập, tự chủ; được sự ủng hộ của một bộ phận trí thức, quan lại theo tư tưởng Nho học; được một bộ phận nhân dân lao động ủng hộ, đặc biệt là dân nghèo không có hoặc có ít ruộng đất, nô tì, những người bị tước đoạt quyền lợi và có thân phận thấp kém dưới triều Trần.
- Khó khăn: Ở giai đoạn đầu cải cách, Hồ Quý Ly bị mang tiếng lộng quyền, giai đoạn sau thì mang tiếng thoán đoạt, giết vua,... Vì vậy, các tôn thất, quý tộc Trần và một bộ phận lớn trong nhân dân ủng hộ nhà Trần không ủng hộ cuộc cải cách.
- + Cuộc cải cách ngay từ đầu không được sự ủng hộ của toàn dân.
- + Tiến hành khi đất nước khủng hoảng trầm trọng, toàn diện và kéo dài (chưa có tiền lệ trong lịch sử), nhưng Hồ Quý Ly và triều Hồ chưa có một bài học, mô hình nào để học tập, kế thừa kinh nghiệm tiến hành cải cách.
- + Vừa phải cải cách để đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, vừa phải củng cố quyền lực, đấu tranh chống lại sự chống phá quyết liệt của thế lực họ Trần và các lực lượng bảo thủ khác.
- + Giặc phương Bắc đang có nhiều hoạt động chuẩn bị xâm lược, nên vừa phải lo cải cách, vừa phải chuẩn bị kháng chiến,...

Câu 2. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ diễn ra trên những lĩnh vực nào? Hãy đưa ra nhận xét về cuộc cải cách.

- Cuộc cải cách toàn diện, diễn ra trên tất cả lĩnh vực.
- Nhận xét: Là cuộc cải cách táo bạo và quyết liệt: những chính sách cải cách động chạm quyết liệt đến lợi ích cốt lõi của các lực lượng xã hội, trước và sau đó không ai dám làm.
- + Diễn ra là tất yếu, phù hợp với yêu cầu của lịch sử đặt ra khi đất nước đang khủng hoảng.
- + Có nhiều nội dung tiến bộ, hướng đến những giá trị tốt đẹp, vì lợi ích của dân tộc, hướng tới số đông (dân chúng, nô tì, người yếu thế trong xã hội).
- Cuộc cải cách hướng tới xây dựng một nhà nước tập quyền, pháp quyền, có quy củ, chuyên nghiệp, xây dựng một nền kinh tế lành mạnh và một nền văn hoá tiến bộ.
- + Cuộc cải cách có tính dân tộc đậm nét, không bắt chước, không mô phỏng từ bên ngoài.
- + Một cuộc cải cách thực hiện nhiều mục tiêu: Đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, đồng thời tiến hành chuyển giao quyền lực và thành lập vương triều Hồ.
- Kết quả: Không thành công, để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho dân tộc sau này.

Câu 3. Trình bày những kết quả đạt được về cuộc cải cách của Hồ Quý Ly triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV).

- Đưa đến sự xác lập bước đầu của chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối pháp trị, có tổ chức thống nhất (triều Hồ ra đời); xây dựng nền văn hoá, giáo dục mang tính dân tộc, củng cố quân đội và quốc phòng....; củng cố quyền lực và nâng cao vai trò của bộ máy nhà nước; bước đầu giải quyết được những bất cập về sở hữu tài sản và vấn đề ruộng đất, bổ sung lực lượng lao động cho xã hội,...
- Nho giáo từng bước trở thành ý thức hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội, Phật giáo và Đạo giáo bị suy giảm so với trước,... Cuộc cải cách đã làm suy yếu nhanh chóng thế lực của tầng lớp quý tộc, tôn thất triều Trần.
- Cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ chưa triệt để và kết quả trong thực tế cè hạn chế. Khi quân Minh xâm lược, nhà Hồ sụp đổ và kết thúc cuộc cải cách.

Câu 4. Vì sao cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ bị thất bại? Phân tích bài học kinh nghiệm (tự chọn) được rút ra từ cuộc cải cách này.

- Lí do cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ thất bại (tham khảo về của câu 1 về những khó khăn trong bối cảnh cải cách để trả lời, chỉ rõ nguyên nhân chủ quan và khách quan).
- Học sinh chọn một bài học để phân tích, lấy dẫn chứng cụ thể. Vì như (tham khảo):
- + Công cổ và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc (đưa vào dân, lấy dân làm gốc).
- + Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng trong nhân dân để người dân hiểu được các chính sách đề ra đều phục vụ nhân dân.
- + Kết hợp cải cách toàn diện với xây dựng nền quốc phòng toàn dân.....

BÀI 10. CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Đề xướng và tiến hành cuộc cải cách ở Đại Việt trong thế kỉ XV là

A. Khúc Hạo. B. Lý Thánh Tông. C. Trần Thánh Tông. D. Lê Thánh Tông.

Câu 2. Cuộc cải cách ở Đại Việt thế kỉ XV diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Nội bộ triều đình có nhiều mâu thuẫn và biến động.
- B. Nạn đói, nạn dốt diễn ra trầm trọng, nhân dân khổ cực.
- C. Chế độ ruộng đất bất cập, tình trạng mất mùa tăng.
- D. Triều đình đang diễn ra bạo loạn, thanh trừng lẫn nhau.

Câu 3. Cuộc cải cách ở Đại Việt thế kỉ XV chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực nào sau đây?

- A. Kinh tế. B. Giáo dục. C. Hành chính. D. Văn hóa.

Câu 4. Ở Việt Nam, chế độ phong kiến tập quyền đạt tới đỉnh cao vào triều đại nào sau đây?

- A. Nhà Lý. C. Nhà Lê sơ. B. Nhà Trần. D. Nhà Tiền Lê.

Câu 5. Bộ luật nào sau đây được biên soạn dưới thời Lê sơ?

- A. Hình thư. B. Gia Long. C. Hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 6. Sau khi cuộc cải cách của Lê Thánh Tông được tiến hành, vị trí và vai trò của các chức quan đại thần có sự thay đổi nào sau đây?

- A. Suy giảm nhiều so với trước cải cách. B. Được củng cố và nâng cao quyền lực.
- C. Trở thành lực lượng gián sát nhà vua. D. Bị bãi bỏ để tập trung quyền lực vào vua.

Câu 7. Thông qua cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông, phụ trách các đạo thần tuyên là cơ quan nào sau đây?

- A. Lục bộ và Thừa ty. B. Lục khoa và Đô ty.
- C. Đô ty, Thừa ty và Hiến ty. D. Lục khoa và Hiến ty.

Câu 8. Dưới thời Lê sơ, đặc biệt là sau cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông, hệ tư tưởng nào sau đây chiếm địa vị chính thống, độc tôn trong xã hội?

- A. Phật giáo. B. Đạo giáo. C. Nho giáo. D. Thiên Chúa giáo.

Câu 9. Chính sách nào sau đây của vua Lê Thánh Tông đã giúp tập trung tối đa quyền lực vào tay nhà vua?

- A. Bỏ chức tể tướng, đại hành khiển, thay bằng Lục bộ, do vua trực tiếp quản lí.
- B. Cả nước được chia thành 13 đạo thừa tuyên, mỗi đạo có Tam ty phụ trách.
- C. Ban hành bộ luật Hồng Đức để bảo vệ lợi ích của triều đình, giai cấp thống trị.
- D. Tăng cường quân triều đình, coi trọng xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia.

Câu 10. Cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông **không** có ý nghĩa nào sau đây đối với tình hình Đại Việt lúc bấy giờ?

- A. Hoàn thiện bộ máy nhà nước phong kiến quân chủ.
- B. Đưa chế độ phong kiến Việt Nam phát triển lên đỉnh cao.
- C. Ổn định tình hình chính trị để phát triển kinh tế, văn hoá.
- D. Thúc đẩy quá trình khai hoang và mở rộng lãnh thổ.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng mục đích hàng đầu cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông?

- A. Tăng cường quyền lực tập trung vào nhà vua để củng cố bộ máy nhà nước.
- B. Từng bước củng cố, hoàn thiện thêm nền quân chủ lập hiến của nhà Lê sơ.
- C. Biến Đại Việt trở thành quốc gia hùng cường và lớn mạnh ở Đông Nam Á.
- D. Xây dựng hệ thống phòng thủ nhằm bảo vệ chủ quyền của quốc gia, dân tộc.

Câu 12. Việc Lê Thánh Tông tiến hành cuộc cải cách, trong đó bãi bỏ một số chức vụ cao cấp (Tướng quốc, Đại tổng quản, Đại hành khiển,...) cốt là để

- A. tránh việc gây chia rẽ trong triều. B. thay đổi phong tục của người Việt.
- C. tập trung quyền lực vào nhà vua. D. tinh giản bộ máy quan lại trong triều.

Câu 13. Ở thế kỉ XV, Đại Việt đạt được nhiều thành tựu nổi bật về văn hoá được là do

- A. chính sách, biện pháp quan tâm tích cực của nhà nước.
- B. thời kì này có nhiều danh nhân văn hoá nổi tiếng.
- C. nền kinh tế hàng hoá phát triển nhanh chóng, toàn diện.
- D. được tiếp thu sự tiến bộ của văn hoá Ấn Độ và Trung Hoa.

Câu 14. Nội dung nào sau đây nhận thức **không** đúng về cuộc cải cách của vua Thánh Tông (thế kỉ XV)?

- A. Nhà nước khuyến khích nhân dân đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp
- B. Nhà vua đặt chức Hà đê quan và Khuyến nông quan chăm lo nông nghiệp

C. Huỷ bỏ chế độ quân điền và khôi phục trở lại chính sách “ngụ binh ư nông”.

D. Ban hành luật pháp, xây dựng quân đội quy củ để thực hiện nhiệm vụ quốc gia

Câu 15. Nội dung nào sau đây nhận thức **không** đúng về kết quả đạt được sau cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)?

A. Kinh tế, pháp luật, quân sự, văn hoá, giáo dục đã tiến bộ hơn so với trước.

B. Tăng cường hiệu quả của bộ máy quan lại, đưa nhà Lê sơ đạt đến đỉnh cao.

C. Nhiều lĩnh vực được ổn định, góp phần đưa đất nước phát triển đến đỉnh cao.

D. Mô hình nhà nước thời Lê sơ trở thành thể chế chính thống cho đến ngày nay

Câu 16. Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông mang tính chất nào sau đây?

A. Dân chủ.

B. Dân tộc.

C. Dân dã.

D. Dân quân.

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG -SAI

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

*“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triề thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có công nhưng **không** có học thức, thay và đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lí các bộ đã hạn chế sự công kênh, quan liêu của bộ máy hành chính”.*

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam, Tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.91)

a) Đoạn tư liệu đề cập đến một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, quân sự, tài chính.

b) Một số quan lại đương chức không có học thức đã bị bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử.

c) Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đề ra cải cách để thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều.

đ) Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã hoàn thiện sự tập trung quyền lực cao độ, tập trung trong tay vua và triều đình.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chế độ quân điền, chia ruộng đất công làng xã cho người dân, từ quan tam phẩm trở xuống đến binh lính, dân đinh, cư dân trong thôn xã theo tỉ lệ. Chính sách quân điền phủ định quyền chi phối ruộng đất công của làng xã theo tục lệ, buộc làng xã phải tuân thủ những nguyên tắc quy định về phân chia và hưởng thụ bộ phận ruộng đất công theo quy định của nhà nước. Trên nguyên tắc, ruộng đất công làng xã không được đem mua bán, chuyển nhượng, quyền đó thuộc về vua. Vua trở thành người chủ lớn nhất trong cả nước và nông dân làng xã trở thành tá điền của nhà nước, làng xã quản lí ruộng đất cho nhà nước trung ương và nhà vua”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam, Tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 109)

a) Đoạn tư liệu đề cập đến một trong những chủ trương cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực kinh tế là chính sách quân điền.

b) Chế độ quân điền do vua Lê Thánh Tông ban hành có điểm tích cực là đảm bảo cho người dân có ruộng đất để cày cấy, canh tác.

c) Với chính sách quân điền, nhà nước Lê sơ trở thành thể lực địa chủ tối cao, làng xã biến thành đơn vị thay mặt nhà nước quản lí ruộng đất.

d) Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, chính sách quân điền gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực hơn là tích cực.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau năm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. Cầm binh coi giữ ba ty để làm vuốt nanh, tìm óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc... Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương... Tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau...”.

(Lời dụ của Lê Thánh Tông, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.453)

- d) Theo lời dụ của Lê Thánh Tông, tất cả các cơ quan, chức quan cần làm việc một cách minh bạch, dân chủ, độc lập, tránh ràng buộc nhau.

III. CÂU TỰ LUẬN

Câu 1. Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông được tập trung vào lĩnh vực nào? Trình bày những nét chính về kết quả đạt được của cuộc cải cách.

- Lê Thánh Tông tiến hành cuộc cải cách toàn diện, nhưng tập trung nhiều vào lĩnh vực chính trị - hành chính, nhằm hoàn thiện bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế phát triển tới đỉnh cao.

- Một số kết quả đạt được chủ yếu:

- + Làm cho bộ máy nhà nước trở nên quy củ, chặt chẽ, tập trung cao độ quyền lực vào tay nhà vua; củng cố và phát triển chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.

- + Xây dựng được hệ thống hành chính thống nhất trên phạm vi cả nước.

- + Các hoạt động kinh tế, pháp luật, quân sự, văn hoá, giáo dục đều đạt được tiến bộ hơn hẳn so với các thời trước đó.

- + Đưa Đại Việt trở thành quốc gia cường thịnh, phát triển bậc nhất ở khu vực bấy giờ (về kinh tế, quân sự, mở rộng lãnh thổ về phía Nam,...), giữ vững chủ quyền quốc gia, dân tộc.

Câu 2. Có đúng không khi khẳng định: Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (nửa sau thế kỉ XV) đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của quốc gia Đại Việt thời bấy giờ. Vì sao?

- Khẳng định quan điểm: Đúng/chính xác.

- Lí giải:

- + Bộ máy hành chính trở nên gọn nhẹ, quy củ và thống nhất trên cả nước; chế độ quân chủ phát triển đạt tới đỉnh cao: quyền lực tập trung trong tay nhà vua, quân đội, quốc phòng vững mạnh; chủ quyền đất nước được giữ vững và mở rộng hơn về phía Nam; kinh tế, văn hoá, giáo dục đều phát triển rực rỡ.

- + Cuộc cải cách để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho sự củng cố và phát triển đất nước sau này (đặc biệt là cải cách hành chính, chính sách trọng dụng nhân tài, bảo vệ chủ quyền quốc gia, quan tâm phụ nữ, phát triển nông nghiệp...)

Câu 3. Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) để lại những bài học kinh nghiệm nào cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay?

- Khẳng định: Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) đạt được nhiều thành tựu cho quốc gia Đại Việt bấy giờ, để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho ngày nay.

- Học sinh dẫn chứng (tự chọn) để bảo vệ quan điểm: Đổi mới đất nước toàn diện (chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội...); bài học về xây dựng và quản lý đất nước dựa trên pháp luật; bài học về coi trọng nhân tài; bài học về coi trọng xây dựng và củng cố quân đội quốc gia hùng mạnh.

BÀI 11. CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MANG NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Vào nửa đầu thế kỉ XIX, vị vua nào của triều Nguyễn đã thực hiện một cuộc cải cách có quy mô lớn về hành chính?

- A. Gia Long. B. Minh Mạng. C. Thiệu Trị. D. Tự Đức.

Câu 2. Nhằm tăng cường tính thống nhất của quốc gia, vua Minh Mạng đã chia đất nước thành các đơn vị hành chính gồm

- A. 63 tỉnh và thành phố trung ương. B. 12 đảo thừa tuyên và một phủ Thừa Thiên.

- C. 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên. D. các lộ (trấn) do An phủ sứ quản lí.

Câu 3. Triển khai cuộc cải cách hành chính có quy mô lớn, vua Minh Mạng đã thi hành biện pháp quân sự nào sau đây?

- A. Triển khai cải cách hành chính ở các địa phương dựa trên quy mô dân số.
- B. Quy định lại chính sách thuế với thuyền buôn nước ngoài đến buôn bán.
- C. Tiến hành độc tôn Nho giáo, hạn chế Phật giáo và cấm đạo Thiên Chúa giáo.
- D. Tổ chức lại lực lượng quân đội theo mô hình và phiên chế phương Tây.

Câu 4. Nội dung nào sau đây **không** phải bối cảnh Minh Mạng tiến hành cuộc cải cách?

- A. Bộ máy nhà nước thời Gia Long thiếu sự thống nhất.
- B. Tình hình chính trị, xã hội trong nước đang phức tạp.
- C. Thiên Chúa giáo đang lấn át hệ tư tưởng Nho giáo.
- D. Nguy cơ thực dân phương Tây xâm lược là rất lớn.

Câu 5. Nội dung nào sau đây thuộc lĩnh vực cải cách văn hoá do vua Minh Mạng tiến hành?

- A. Cải cách hành chính ở địa phương trên phạm vi cả nước.
- B. Kiểm soát gắt gao các giáo sĩ phương Tây vào truyền đạo.
- C. Xây dựng quân đội hiện đại theo mô hình phương Tây.
- D. Cho phép giáo sĩ, thương nhân hoạt động theo khu vực.

Câu 6. Trọng tâm của cuộc cải cách do vua Minh Mạng tiến hành (nửa đầu thế kỉ XIX) tập trung vào lĩnh vực nào sau đây?

- A. Y khoa.
- B. Giáo dục.
- C. Báo chí.
- D. Hành chính.

Câu 7. Để bảo vệ chế độ phong kiến, vua Minh Mạng lấy tư tưởng nào sau đây làm độc tôn trong việc cai trị xã tắc?

- A. Nho giáo.
- B. Phật giáo.
- C. Thiên Chúa giáo.
- D. Đạo giáo.

Câu 8. Trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng, cơ quan nào sau đây ở trung ương tiếp tục đóng vai trò chủ chốt?

- A. Thừa ty.
- B. Hiến ty.
- C. Nội các.
- D. Đô ty.

Câu 9. Trong cải cách của Minh Mạng, cơ quan nào sau đây (thành lập năm 1832) có nhiệm vụ can gián nhà vua và giám sát, vạch lỗi các cơ quan, quan lại từ cấp ương đến địa phương?

- A. Lục bộ.
- B. Cơ mật viện.
- C. Nội các.
- D. Đô sát viện.

Câu 10. Tên gọi của đơn vị hành chính nào sau đây lần đầu được sử dụng trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) tiếp tục được dùng trong đơn vị hành chính ngày nay?

- A. Huyện, xã.
- C. Châu, tổng.
- B. Tỉnh, thành.
- D. Quận, li.

Câu 11. Dưới thời vua Gia Long, nhà Nguyễn tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nào sau đây?

- A. Ổn định tình hình đất nước, ưu tiên sự nghiệp thống nhất về lãnh thổ.
- B. Hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương.
- C. Phát triển kinh tế, mở rộng hợp tác với cả phương Đông và phương Tây.
- D. Xây dựng thành lũy kiên cố, chế tạo súng trường theo mẫu của Pháp.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là điểm mới trong cuộc cải cách ở cấp địa phương của vua Minh Mạng?

- A. Cải tổ hệ thống Văn thư phòng.
- B. Thành lập Nội các, Cơ mật viện.
- C. Chia đất nước thành các tỉnh thành.
- D. Văn bản hành chính trở nên chặt chẽ.

Câu 13. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) **không** cho vào hoạt động nào sau đây?

- A. Tuyển chọn quan lại thông qua thi cử.
- B. Không tổ chức khoa thi chọn người tài.
- C. Đề cao tuyển chọn con em quan lại.
- D. Không chú trọng giáo dục Nho học.

Câu 14. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) **không** đem lại hiệu quả nào sau đây cho đất nước thời bấy giờ?

- A. Tổ chức bộ máy quân chủ trung ương tập quyền cao độ.
- B. Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.
- C. Tổ chức cơ cấu bộ máy nhà nước trở nên gọn nhẹ, chặt chẽ.
- D. Bộ máy nhà nước quân chủ xác lập theo hướng phân quyền.

Câu 15. Nhận xét nào sau đây là đúng về giá trị từ cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đối với cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay?

- A. Là cơ sở tham khảo để phân chia đơn vị hành chính.
- B. Tình giảm bộ máy hành chính theo cấp trung ương.

C. Nâng cao hiệu quả trong công tác giải phóng mặt bằng.

D. Là nền tảng để xây dựng bộ máy nhà nước tập quyền.

Câu 16. Một trong những điểm giống nhau giữa bản đồ hành chính thời Minh Mạng với bản đồ hành chính hiện nay là

A. đất nước vẫn giữ nguyên đơn vị hành chính 30 tỉnh. B. đất nước liền một dải từ Cao Bằng đến mũi Cà Mau.

C. hệ tư tưởng và bộ máy hành chính được giữ nguyên. D. đất nước liền một dải từ Mực Nam Quan đến Cà Mau.

Câu 17. Biến đổi nào sau đây ở Việt Nam đã diễn ra sau cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

A. Cả nước được chia làm 63 tỉnh và một phủ Thừa Thiên.

B. Xuất hiện 3 vùng kinh tế, Bắc Thành là trọng tâm

C. Cả nước được chia làm 30 tỉnh và một phủ Thừa Thiên.

D. Xuất hiện 3 vùng kinh tế, gồm Gia Định thành là trọng tâm

Câu 18. So với cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (nửa sau thế kỉ XV), cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) có điểm khác biệt căn bản nào sau đây!

A. Cả nước được chia làm 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên. B. Nhà nước trực tiếp giám sát trung ương và địa phương.

C. Các phủ, huyện, châu, tổng, xã vẫn được giữ như cũ. D. Nhà vua trực tiếp điều hành hoạt động ở địa phương.

Câu 19. Từ cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX, Việt Nam có thể vận dụng bài học kinh nghiệm nào sau đây để xây dựng nền hành chính hiện nay

A. Tổ chức chặt chẽ đơn vị hành chính trong cả nước. B. Xây dựng bộ máy nhà nước trung ương quân chủ.

C. Các cơ quan nhà nước không có sự giám sát nhau. D. Ngăn cản các giáo sĩ phương Tây vào truyền đạo.

Câu 20. So với cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (nửa sau thế kỉ XV), cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) có điểm tương đồng nào sau đây?

A. Kế thừa từ cải cách của Hồ Quý Ly.

B. Sử dụng tiền giấy trên phạm vi cả nước.

C. Khuyến khích nhân dân dùng chữ Nôm.

D. Tập trung vào cải cách hành chính.

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG -SAI

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Nội các là một cơ yếu, phải đặc cách chọn lấy những bề tôi châu hầu tùy tùng ở bên nhà vua khiến cho ra vào gần gũi để phòng khi cần hỏi han. Những người sung vào chức đó thì lấy ở hàng quan Tam, Tứ phẩm trong các bộ, các viện, còn các thuộc viên thì lấy những người có chức hàm trong Viện hàn lâm sung vào, các bậc thì ở dưới Lục bộ. Phàm những sắc, chiếu, sớ tâu, sách vở, ghi chép, hoặc xem xét giấy tờ, đều thuộc toà Nội các cả; những viên chức đó đều tùy theo công việc nặng nhẹ, nhiều ít, chức lượng mà chia ra từng tào để cho có chuyên trách”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 3, 2004, tr.84)

a) Nội các không phải cơ quan chủ chốt của triều đình Nguyễn thời Minh Mạng.

b) Toàn bộ các thành viên của Nội các đều lấy từ các chức quan ở trong Lục bộ.

c) Một trong những nhiệm vụ của Nội các là thay vua phê duyệt sắc, chiếu.

d) Nội các chịu sự giám sát của Lục bộ và các cơ quan chuyên môn khác.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Hiệu quả cải cách hành chính của Minh Mạng là đã tăng cường được tính thống nhất quốc gia, cùng cố được vương triều Nguyễn, phần nào ổn định được xã hội sau hàng thế kỉ chiến tranh, vừa chống ngoại xâm vừa nội chiến liên miên. Nhưng bị hạn chế và không tạo nên được sức mạnh kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và quan hệ quốc tế tốt đẹp, có khả năng kiềm chế được ngoại xâm”.

(Văn Tạo, *Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006)

a) Đoạn tư liệu phân tích tác động tích cực trong cải cách của vua Minh Mạng lĩnh vực bảo vệ chủ quyền quốc gia.

b) Cải cách của vua Minh Mạng góp phần xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp nước Pháp, cùng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

c) Cải cách của vua Minh Mạng thành công đã mở đầu cho thống nhất đất nước lãnh thổ.

d) Cái cách Minh Mạng diễn ra toàn diện trên nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế đất nước.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 9 năm 1832, Minh Mạng lập ra Đô sát viện. Nhiệm vụ của Đô sát viện là giám sát hoạt động của các quan chức trong hệ thống cơ quan hành chính trung ương đến địa phương. Đây là một cơ quan hoạt động độc lập, không chịu kiểm soát của bất kì một cơ quan nào ở triều đình ngoài nhà vua. Các quan chức của Đô sát viện có nhiệm vụ phối hợp với các Giám sát ngự sử 16 đạo để hoạt động kiểm soát và kiểm tra công việc của bộ máy quan lại ở địa phương”.

(Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, *Một số chuyên đề lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, 2009, tr.104

a) Đoạn tư liệu so sánh cuộc cải cách của vua Minh Mạng với cải cách của vua Lê Thánh Tông về mặt hành chính.

b) Đô sát viện là cơ quan không chịu sự kiểm soát và giám sát của nhà vua.

c) Đô sát viện giám sát các cơ quan, quan lại từ trung ương đến địa phương.

d) Đô sát viện hoạt động độc lập giám sát công việc của bộ máy quan lại ở địa phương.

III. CÂU TỰ LUẬN

Câu 1. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nào? Trình bày sự biến chuyển tích cực của Việt Nam dưới tác động từ cuộc cải cách.

- Từ cuối những năm 20 của thế kỉ XIX, vua Minh Mạng tiến hành cuộc cải cách quan trọng về các mặt, trong đó tập trung vào lĩnh vực hành chính.

- Những chuyển biến chính:

+ Cuộc cải cách mang lại nhiều thay đổi tích cực.

+ Bộ máy chính quyền trung ương được hoàn thiện, trở nên quy củ. Hệ thống cơ quan, chức quan có sự giám sát, ràng buộc chặt chẽ với nhau.

+ Ở địa phương: cả nước được chia làm 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên,...

Như vậy, bộ máy hành chính trên cả nước được cấu trúc lại một cách thống nhất, chặt chẽ; quyền lực của hoàng đế được tăng cường cao độ.

+ Bản đồ hành chính quốc gia lần đầu tiên được hoàn chỉnh từ Mục Nam Quan đến Cà Mau,...

+ Nho giáo được khôi phục và trở thành hệ tư tưởng độc tôn, củng cố vững chắc chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền...

Câu 2. Trình bày những nét chính trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX). Phân tích một bài học kinh nghiệm (tự chọn) được rút ra từ cuộc cải cách này.

- Học sinh nêu những nét chính trong cuộc cải cách, tập trung vào lĩnh vực hành chính: Kế thừa mô hình các triều đại trước và tham khảo mô hình của nhà Minh, nhà Thanh để hoàn thiện bộ máy nhà nước ở trung ương, ở địa phương chia cả nước làm 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.

- Học sinh chọn một bài học để phân tích, lấy dẫn chứng cụ thể. Ví như (tham khảo):

+ Sắp xếp lại bộ máy hành chính, tinh giản bộ máy chính quyền ở địa phương.

+ Nghiên cứu đặc điểm vùng miền để hoàn thiện bộ máy.

+ Kết hợp cải cách hành chính với cải cách các lĩnh vực khác để tạo nên sự đồng bộ...

+ Phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan.

+ Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn nhân tài.

+ Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát cơ quan hành chính và đội ngũ cán bộ, viên chức hiệu quả.

BÀI 12. VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Vị trí của Biển Đông thuộc đại dương nào sau đây?

A. Ấn Độ Dương.

B. Địa Trung Hải.

C. Đại Tây Dương.

D. Thái Bình Dương.

Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về Biển Đông là biển tương đối kín?

A. Nối liền Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. B. Nối liền Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

C. Nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. D. Nối liền Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.

Câu 3. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng trong khu vực châu Á -Thái Bình Dương về lĩnh vực nào sau đây?

- A. Kinh tế -Chính trị.
- B. Văn hoá -Thể thao.
- C. Văn hoá -Giáo dục.
- D. Thể thao -Truyền thông.

Câu 4. Eo biển Ma-lắc-ca là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất đối với châu lục nào sau đây?

- A. Châu Mỹ.
- B. Châu Phi.
- C. Châu Á.
- D. Châu Âu.

Câu 5. Biển Đông là một trong những bồn trũng lớn nhất thế giới chứa đựng loại khoáng sản đặc biệt có giá trị nào sau đây?

- A. Dầu khí.
- B. Than.
- C. Đồng.
- D. Vàng.

Câu 6. Tính theo tổng lượng hàng hoá thương mại và vận chuyển hàng năm, Biển Đông giữ vị trí quan trọng nào sau đây?

- A. Là tuyến hàng hải quan trọng duy nhất ở Đông Nam Á.
- B. Tuyến giao thương huyết mạch, duy nhất của toàn cầu.
- C. Tuyến hàng hải phục vụ chủ yếu giao thương nội vùng.
- D. Tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp hàng đầu của thế giới.

Câu 7. Với vai trò là tuyến giao thông, giao thương chiến lược kết nối nhiều quốc gia và khu vực, Biển Đông có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Là trung tâm trong trao đổi hàng hoá và phát triển thương mại quốc tế.
- B. Nơi tập trung chủ yếu các hoạt động khai thác khoáng sản trên thế giới.
- C. Là khu vực cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực hàng hải thế giới.
- D. Trung tâm nghiên cứu các hoạt động nuôi trồng thuỷ sản của ASEAN.

Câu 8. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng sự phong phú, đa dạng của nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Biển Đông?

- A. Sự đa dạng về sinh học.
- B. Có trữ lượng lớn cát nặng, cát đen.
- C. Có bồn trũng chứa dầu khí lớn.
- D. Có sự đa dạng về tộc người.

Câu 9. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tầm quan trọng về hoạt động giao thông, giao thương trên Biển Đông?

- A. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.
- B. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin.
- C. Phát triển thương mại hàng hải.
- D. Giao lưu với các nền văn hoá khác.

Câu 10. Tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông là yếu tố quyết định sự phát triển của ngành kinh tế nào sau đây?

- A. Giao thông đường biển.
- B. Đánh bắt thuỷ, hải sản.
- C. Giao thông hàng không.
- D. Công nghiệp chế tạo máy.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** thể hiện vai trò chiến lược của Biển Đông ở khu vực châu Á -Thái Bình Dương?

- A. Nơi tập trung các mô hình chính trị, kinh tế, văn hoá của thế giới.
- B. Có một trong năm bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất của châu Á.
- C. Nơi được nhiều nước quan tâm, là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng.
- D. Nơi nhiều nước trong khu vực có kinh tế gắn với Biển Đông.

Căn 12. Các quốc gia Hưng khu vực châu Á -1 - Thái Bình Dương đặc biệt quan tâm tới Biển Đông vì lí do cơ bản nào sau đây?

- A. Là tuyến hàng hải huyết mạch trong thương mại quốc tế.
- B. Chứa nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, vô tận.
- C. Đây là khu vực có vai trò chiến lược về giáo dục, kiến trúc.
- D. Là trung tâm điều tiết giao thông duy nhất thế giới.

Câu 13. Về chiến lược an ninh, quốc phòng, Biển Đông đóng vai trò quan trọng đối với các nước xung quanh vì lí do nào sau đây?

- A. Có tài nguyên phong phú và vị trí địa lí thuận lợi.
- B. Các quốc gia xung quanh đều có căn cứ quân sự mạnh.
- C. Có vị trí nối liền các khu vực kinh tế và chính trị lớn.
- D. Là khu vực dễ kiểm soát, ít xảy ra tranh chấp trên biển.

Câu 14. Biển Đông trở thành tuyến giao thông, giao thương huyết mạch trong khu vực và quốc tế vì lí do cơ bản nào sau đây?

- A. Có diện tích rộng, diễn ra nhiều hoạt động giao thương quốc tế.
- B. Kết nối các tuyến hàng hải từ bắc xuống nam, từ đông sang tây.
- C. Là nơi chứa đựng nhiều tài nguyên thiên nhiên với trữ lượng lớn.
- D. Được Liên hợp quốc thành lập cơ quan kiểm sát trên Biển Đông.

Câu 15. Nhận xét nào sau đây là đúng về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với các nước trong khu vực?

- A. Biển Đông có trữ lượng dầu khí và nguồn hải sản hàng đầu thế giới.
- B. Biển Đông từ lâu trở thành trung tâm công nghệ của các cường quốc.
- C. Biển Đông là địa bàn chiến lược về an ninh, quốc phòng, giao thương.
- D. Xu thế quốc tế hoá trên thế giới phụ thuộc an ninh ở vùng Biển Đông.

Câu 16. Khi tuyến vận chuyển hàng hoá từ Đông Á đến Nam Á bị gián đoạn do căng thẳng trên Biển Đông sẽ dẫn đến hậu quả nào sau đây?

- A. Giá hàng hoá nhập khẩu từ Đông Á đến Nam Á sẽ giảm xuống mức thấp.
- B. Hoạt động thương mại giữa các quốc gia trong khu vực đều bị ngưng trệ.
- C. Các tuyến vận tải khác sẽ bị quá tải và làm tăng đáng kể chi phí vận chuyển.
- D. Biển Đông không còn giữ được vai trò quan trọng trong thương mại quốc tế.

II. CẦU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Các bên liên quan cam kết giải quyết những tranh chấp lãnh thổ và quyê tài phán bằng các biện pháp hòa bình, không đe dọa sử dụng hay sử dụng và l thông qua tham khảo ý kiến và thương lượng hữu nghị giữa các quốc gia có cha quyền trực tiếp liên quan, phù hợp với các nguyên tắc phổ cập của luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982”.

(Trích: Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông. DOC)

- a) Đoạn tư liệu đề cập nguyên tắc trong giải quyết tranh chấp trên Biển Đông.
- b) Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông khẳng định các nước sử dụng quân sự để giải quyết tranh chấp khí có bên thứ ba xuất hiện.
- c) Trong lịch sử, chỉ cần sử dụng biện pháp ngoại giao hoà bình là đủ điều kiện để bảo vệ thành công chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông.
- d) Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông tạo cơ sở pháp lí cho Việt Nam bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và quyền tài phán quốc gia trên Biển Đông.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông cũng có vai trò hết sức quan trọng đối với các nước lớn. Đối với Mỹ, Biển Đông có vai trò quan trọng về kinh tế -chính trị và quân sự. Nhiều lần các quan chức lãnh đạo Mỹ đã khẳng định, Mỹ có lợi ích ở Biển Đông, nhất là vấn đề về an ninh hàng hải. [...] Chính vì vậy, trong những năm gần đây, Mỹ ngày càng mạnh dạn, thẳng thắn, công khai tuyên bố có lợi ích ở Biển Đông và không chấp nhận sự áp đặt của bất kì quốc gia nào đối với vấn đề an ninh, an toàn, tự do hàng hải của Mỹ ở Biển Đông, bày tỏ sự quan ngại sâu sắc đối với các hoạt động gia tăng căng thẳng của Trung Quốc ở Biển Đông”.

(Nguyễn Thị Quế, “Vai trò của Biển Đông .. Cảnh sát Biển Việt Nam, phát hành ngày 2-12-2017)

- a) Theo tư liệu, Biển Đông có vai trò đặc biệt quan trọng đối với tất cả các nước trên thế giới.
- b) Sự hiện diện của Mỹ tại Biển Đông cốt chỉ nhằm mục đích gây căng thẳng với Trung Quốc.
- c) Lập trường của Mỹ về vấn đề an ninh và tự do hàng hải là yếu tố quan trọng tác động tới tình hình tranh chấp trên Biển Đông hiện nay.
- d) Việc Mỹ công khai quan ngại hành động gây căng thẳng của Trung Quốc ở Biển Đông giúp Việt Nam có thêm cơ hội tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế đối với chủ quyền biển đảo.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Cần phải có cơ chế ràng buộc hiệu quả đối với tất cả các quốc gia có quyền lợi trên Biển Đông và toàn thể cộng đồng quốc tế trên nguyên tắc tôn trọng triệt để và thực hiện nghiêm chỉnh Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 thì mới có hi vọng giải quyết được tình hình phức tạp trên Biển Đông. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực phi thường không phải chỉ riêng các nước có liên quan trong khu vực Biển Đông, mà toàn bộ cộng đồng quốc tế”.

(Nguyễn Quang Ngọc, Hoàng Sa, Trường Sa - Chủ quyền của Việt Nam, Tư liệu và sự thật)

- a) Đoạn tư liệu đề cập đến việc giải quyết những căng thẳng trên Biển Đông là nhiệm vụ quan trọng của tất cả các quốc gia trên thế giới.
- b) Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 là cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo trật tự an ninh hàng hải trên khu vực Biển Đông.
- c) Sau khi các nước ASEAN thống nhất lập trường, vấn đề Biển Đông đã được giải quyết triệt để, không cần sự tham gia của cộng đồng quốc tế.
- d) Việc tuân thủ nghiêm chỉnh Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 là trách nhiệm của các nước trong khu vực nhằm duy trì hoà bình, ổn định và trật tự pháp lý trên Biển Đông.

III. CÂU TỰ LUẬN

Câu 1. Biển Đông có vai trò chiến lược như thế nào trong giao thông hàng hải quốc tế?

- Biển Đông là vị trí chiến lược của giao thông hàng hải quốc tế, nơi có các tuyến đường biển huyết mạch, nối Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Âu châu Á, Trung Đông - Đông Á.
- Trong lịch sử, Biển Đông là tuyến đường thiết yếu trong giao thông, giao thương, di cư,... giữa Ấn Độ và Trung Quốc; là một phần của “con đường tơ lụa trên biển”, kết nối phương Đông và phương Tây.
- Hiện nay, Biển Đông là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai thế giới.
- Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng, góp phần rút ngắn khoảng cách đi lại, tiết kiệm chi phí vận tải, hạn chế rủi ro...

Câu 2. Trình bày sự đa dạng của các nguồn tài nguyên thiên nhiên biển trên Biển Đông.

- Biển Đông có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là tài nguyên sinh vật, khoáng sản.
- Về tài nguyên sinh vật: Biển Đông có hàng trăm loài động vật, thực vật...
- Về tài nguyên khoáng sản: Biển Đông có trữ lượng lớn về dầu mỏ, khí tự nhiên.

Câu 3. Những bất đồng, tranh chấp trên Biển Đông đã tác động như thế nào đối với các nước trong khu vực và quốc tế?

- Ảnh hưởng đến an ninh khu vực: Làm gia tăng quân sự hoá trên Biển Đông, dẫn đến sự cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc khiến khu vực trở thành điểm nóng địa - chính trị toàn cầu.
- Ảnh hưởng đến kinh tế: Làm cho nhiều hoạt động trên Biển Đông bị cản trở như khai thác dầu, việc đánh bắt của ngư dân,...
- Ảnh hưởng đến môi trường biển: Hoạt động bồi đắp đảo nhân tạo bằng mọi giá của Trung Quốc để mở rộng đảo đang làm huỷ hoại hệ sinh thái biển....